LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ THƯỢNG QUAN
(1948-2015)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ THƯỢNG QUAN
HUYỆN NGÂN SƠN - TỈNH BẮC KẠN

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ THƯỢNG QUAN
(1948-2015)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA

Bản đồ xã Thượng Quan

BAN CHỈ ĐẠO

Hoàng Văn Ngân
Bí thư Đảng ủy

Ngô Đình Tùng
PBT, CTUBND

Nông Ích Chuyên
PBT TT Đảng ủy

Phan Văn Năm
Chủ tịch UBMTTQ

Cao Thị Thanh Hiền
Phó Chủ tịch HĐND

Hoàng Ngọc Ánh
Phó Chủ tịch UBND

Hội thảo lịch sử Đảng bộ xã Thượng Quan (1948 - 2015)

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Hoàng Văn Ngân

Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Nông Ích Chuyên

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó trưởng ban

Ngô Đinh Tùng

Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã - Phó trưởng ban

Phan Văn Năm

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc - Ủy viên

Cao Thị Thanh Hiền

Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân - Ủy viên

Hoàng Ngọc Ánh

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Nông Ích Chuyên

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban

Phan Văn Năm

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc – Phó ban

Cao Thị Thanh Hiền

Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân - Ủy viên

Hoàng Ngọc Ánh

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân – Phó ban

Phạm Thị Yến

Cán bộ Văn phòng Đảng ủy - Ủy viên thư ký

Đinh Quang Trường

Bí thư Đoàn Thanh niên xã - Ủy viên

Ngô Quang Trung
Chủ tịch Hội Nông dân - Ủy viên
Nông Thị Uyển
Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Ủy viên
Nông Công Chiến
Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh - Ủy viên
Đinh Hữu Nọa
Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Ủy viên
Đồng Trường Giang
Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên
Triệu Minh Nhúc
Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên
Đinh Hữu Ỳ
Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên
Cao Sinh Khanh
Nguyên Chủ tịch Hội Nông dân xã - Ủy viên
Nông Công Dụng
Cán bộ nghỉ hưu - Ủy viên
Đinh Quang Hang
Cán bộ nghỉ hưu - Ủy viên
Đinh Quang Dương
Cán bộ nghỉ hưu - Ủy viên
Hoàng Đức Tậy
Nguyên Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã - Ủy viên
Nông Xuân Cắm
Nguyên Chủ tịch Hội Nông dân, trưởng thôn - Ủy viên
Đinh Hữu Hoan
Cán bộ nghỉ hưu - Ủy viên
Đinh Quang Tý
Cán bộ nghỉ hưu - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ Lịch sử: **Nguyễn Thanh Hải**
Thạc sĩ Lịch sử: **Đoàn Văn Trường**
Cử nhân Lịch sử: **Nguyễn Thanh Tùng**
Cử nhân Lịch sử: **Lý Đình Hoan**
Cố vấn khoa học: **PGS.TS Phạm Xuân Mỹ**

LỜI GIỚI THIỆU

Thượng Quan là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng. Nhân dân Thượng Quan có tinh thần đoàn kết, cần cù, trong lao động sản xuất, kiên cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Dưới ánh sáng soi đường của Đảng, nhân dân địa phương cùng cả nước đứng lên đấu tranh giành lại độc lập, tự do, xóa bỏ chính quyền thực dân, phong kiến, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bước vào hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và công cuộc bảo vệ Tổ quốc, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thượng Quan đã ra sức xây dựng hậu phương và bảo vệ bờ cõi biên cương đất nước, đóng góp sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến, góp phần thống nhất đất nước. Sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt là kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đến nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Thượng Quan luôn nêu cao truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để đạt được những thành tích đáng tự hào trên tất cả các mặt chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội.

Từ thực tiễn sinh động trong phong trào cách mạng địa phương, tổ chức cơ sở Đảng xã Thượng Quan được hình thành và ngày càng lớn mạnh. Từ những hạt giống

đỏ đầu tiên được vinh dự đứng trong hàng ngũ vinh quang của Đảng năm 1947, đến sự hình thành Chi bộ xã Thượng Quan năm 1948, là một trong những Chi bộ cơ sở cấp xã thành lập sớm của tỉnh Bắc Kạn. Ba mươi năm sau, đến năm 1978, Chi bộ xã Thượng Quan được công nhận là Đảng bộ hai cấp. Đến năm 2015, Đảng bộ xã Thượng Quan đã bao gồm 192 đảng viên, tổ chức thành 19 Chi bộ, là Đảng bộ cơ sở có số lượng chi bộ và đảng viên lớn vào hàng đầu của tỉnh Bắc Kạn. Trải qua gần 70 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ xã Thượng Quan luôn hoàn thành tốt vai trò hạt nhân chiến đấu của Đảng, lãnh đạo nhân dân Thượng Quan hoàn thành các phong trào cách mạng địa phương, đồng thời không ngừng tự đổi mới, hoàn thiện, tăng cường công tác xây dựng Đảng, phấn đấu xây dựng Đảng bộ xã Thượng Quan ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Để giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, thể hiện sự tri ân, tôn vinh những thế hệ đã hết lòng vì sự nghiệp cách mạng qua các thời kỳ, đồng thời tổng kết kinh nghiệm phục vụ cho công tác lãnh đạo của Đảng bộ xã Thượng Quan hiện nay, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Ban Thường vụ Huyện ủy Ngân Sơn về việc biên soạn lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thượng Quan (nhiệm kỳ 2015-2020) quyết định tổ chức sưu tầm, biên soạn và xuất bản cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Thượng Quan (1948-2015)".

Cuốn sách được biên soạn khách quan và khoa học theo tiến trình các sự kiện lịch sử diễn ra ở Thượng Quan, đặt trong mối quan hệ với các sự kiện lịch sử của huyện, tỉnh và đất nước. Sau mỗi thời kỳ lịch sử có rút ra ý nghĩa và những bài học kinh nghiệm, tạo ra gạch nối giữa quá khứ - hiện tại - tương lai...

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, biên soạn cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thượng Quan nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã qua các thời kỳ, các ban ngành, đoàn thể, cùng đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ngân Sơn và sự tư vấn nghiên cứu, biên soạn công phu của cơ quan nghiên cứu chuyên môn lịch sử Đảng.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng nguồn tài liệu lưu trữ có hạn, nhân chứng lịch sử người còn, người mất, cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thượng Quan mong muốn cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng bạn đọc gần xa góp ý, bổ sung để cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Thượng Quan (1948-2015)" sẽ hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Bí thư

Hoàng Văn Ngân

Chương I
THƯỢNG QUAN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành vùng đất

Việc nghiên cứu lịch sử địa giới hành chính cấp cơ sở hiện nay còn nhiều khó khăn, nguồn tài liệu hết sức hạn chế. Căn cứ di chỉ hang Nà Mò (xã Hương Nê, huyện Ngân Sơn) có niên đại cách đây khoảng trên dưới 6.000 năm, có thể phỏng đoán, cách đây vài ngàn năm, địa bàn xã Thượng Quan đã có con người sinh sống và khai phá thiên nhiên. Tuy vậy, với địa hình hiểm trở, dân cư thưa thớt, nên về cơ bản, từ thời kỳ nhà nước Văn Lang đến hết thời kỳ Bắc thuộc (thế kỷ thứ X), vùng đất xã Thượng Quan nói riêng ít có mối liên hệ lịch sử với các địa phương khác trong cả nước.

Bước sang thời kỳ phong kiến độc lập, vị trí, vai trò của các vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng gắn kết với lịch sử chung cả dân tộc. Tuy vậy, các nguồn sử liệu về địa giới hành chính và lịch sử vùng đất Ngân Sơn còn nhiều hạn chế. Đến nay, chưa có nguồn sử liệu thành văn

nào ghi chép về vùng đất Thượng Quan trước thế kỷ XIX mà chỉ có một số thông tin cơ bản về vùng đất Ngân Sơn ngày nay. Thời nhà Lý, vùng đất Ngân Sơn thuộc huyện Vĩnh Thông, châu Thượng Nguyên; thời Trần, thuộc địa phận trấn Thái Nguyên. Thời Lê, vào năm Bính Tuất niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466), cả nước được chia thành các thừa tuyên và phủ. Dưới thừa tuyên là huyện, vùng đất Ngân Sơn khi ấy thuộc huyện Cảm Hóa, thừa tuyên Thái Nguyên.

Bước sang thế kỷ XIX, thời kỳ nhà Nguyễn (1802-1945), phân cấp địa giới hành chính trong cả nước rõ ràng hơn. Năm 1831, vua Minh Mạng cải cách hành chính quy định hệ thống hành chính địa phương thông nhất gồm các cấp tỉnh, phủ, huyện (châu), tổng, xã. Vùng đất Ngân Sơn lúc này thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Một trong những tài liệu đáng tin cậy nhất khẳng định về sự tồn tại của đơn vị hành chính Thượng Quan là sách "Đồng Khánh dư địa chí" biên soạn vào cuối thế kỷ XIX ghi chép: xã Thượng Quan, thuộc tổng Thượng Quan, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Năm 1900, toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Na Rì và Ngân Sơn. Châu Ngân Sơn lúc này gồm 3 tổng: Bằng Đức, Thượng Quan và Hạ Quan. Tổng Thượng Quan lúc này gồm 3 xã Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang. Địa bàn xã Thượng Quan lúc này rộng hơn 170km^2 gồm 14 bản. Trong đó có 10 bản thuộc địa bàn Thượng Quan ngày nay: Bằng Lạng, Cò Luồng, Pù Áng,

Nà Kéo, Khuôn Pì, Slam Coóc, Nà Slánh, Khuổi Khương, Khuổi Đoài, Pác Đa và 4 bản thuộc Thuần Mang ngày nay là Lũng Miệng, Nà Dẩy, Đông Tạo, Thôm Tà.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành sắc lệnh thống nhất tổ chức hành chính cả nước, theo đó, hệ thống hành chính địa phương gồm các cấp kỳ (sau thay bằng liên khu) - tỉnh - huyện - xã. Dưới cấp xã là tổ chức dân cư tự quản thôn, bản. Cấp tổng bị bãi bỏ, cấp xã mới được thiết lập tương đương với 2-3 xã cũ trước đó. Tháng 4/1946, xã Thượng Quan và xã Thuần Mang được nhập chung lấy tên là Thượng Quan. Địa bàn xã Thượng Quan lúc này có 21 bản gồm 10 bản thuộc Thượng Quan ngày nay (Bằng Lạng, Cò Luồng, Pù Áng, Nà Kéo, Khuôn Pì, Slam Coóc, Nà Slánh, Khuổi Khương, Khuổi Đoài, Pác Đa) và 11 bản thuộc Thuần Mang ngày này (Lũng Miệng, Nà Dẩy, Đông Tạo, Thôm Tà, Nà Mu, Bản Băng, Bản Giang, Nà Chúa, Bản Nìm, Khuổi Chắp, Cốc Tém).

Sau hơn 7 năm thực hiện mô hình xã lớn gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, đồng thời, để chuẩn bị cho công tác cải cách ruộng đất, tháng 12/1953, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Ngân Sơn quyết định chia xã Thượng Quan thành 2 xã: Thượng Quan và Thuần Mang, xã Thượng Quan lúc này có quy mô 10 bản, diện tích gần 150km^2.

Trong nhiều năm tiếp theo, cùng với quá trình gia tăng dân số và diện tích canh tác, xã Thượng Quan đã tách và thành lập thêm nhiều bản (từ sau năm 1975 thống nhất

gọi là thôn). Đến trước năm 2003, toàn xã có 18 thôn: Tềnh Kiết, Khuổi Coóc, Khuổi Tro, Nà Kịt, Nà Slánh, Cốc Lùng, Pác Đa, Slam Coóc, Nà Kéo, Đông Van, Cò Luồng, Pù Áng, Khuôn Pì, Nà Giảo, Bằng Lạng, Khuổi Đăm, Khuổi Khương, Ma Nòn,

Năm 2003, thành lập thêm 3 thôn: Khuổi Bin (tách ra từ thôn Pác Đa); Pù Pioót (tách ra từ thôn Slam Coóc); Khau Liêu (tách ra từ thôn Ma Nòn).

Năm 2008, xã Thượng Quan tiếp nhận thêm thôn Sáo Sào (Nà Phặc), địa giới hành chính xã Thượng Quan ổn định cho đến năm 2015 với 22 thôn.

2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Thượng Quan có vị trí địa lý tiếp giáp nhiều đơn vị hành chính cơ sở: phía Bắc giáp xã Vân Tùng (huyện Ngân Sơn), xã Đức Vân (huyện Ngân Sơn), xã Quang Trọng (huyện Thạch An, Cao Bằng), phía Đông giáp xã Vũ Loan (huyện Na Rì), phía Nam giáp xã Lạng San và Lương Thượng (huyện Na Rì), xã Thuần Mang (huyện Ngân Sơn) phía Tây giáp thị trấn Nà Phặc (huyện Ngân Sơn).

Xã có diện tích tự nhiên 16.097,58ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 406,6ha (chiếm 2,5% diện tích đất tự nhiên), phần còn lại là đất lâm nghiệp, (trong đó có 11.146,79ha đất rừng và hơn 4.400ha đất trống đồi trọc). Đất nông nghiệp tập trung chính tại một số thôn vùng thấp và các vùng ven đường giao thông, ven suối.

Nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn chủ yếu là nguồn nước mưa và nước từ các con suối: Bắc Giang (suối Ngân Sơn), Nà Kéo, Cốc Lùng, Nà Pò,

Pù Pioót, Nậm Chẳng, Nậm Dạng... nhìn chung, hệ thống suối trên địa bàn có đặc điểm ngắn, dốc, lưu vực nhỏ, phân bổ nước giữa bốn mùa không hợp lý.

Khí hậu ở Thượng Quan mang đặc trưng của vùng miền núi phía Bắc, chia làm bốn mùa tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình năm là 21,5°C, tổng số giờ nắng bình quân đạt 1.483 giờ/năm; các tháng 6, 7 có nhiệt độ cao nhất, có lúc từ 35-37°C, trong khi tháng 12 và tháng 1 nhiệt độ thấp nhất, có lúc chỉ còn 2-3°C. Lượng mưa bình quân 1.084 mm/năm, nhìn chung là thấp so với bình quân chung của cả nước, độ ẩm thường xuyên đạt 82%. Diễn biến thời tiết tương đối phức tạp, mùa đông thường có sương mù, sương muối, mùa hè có lúc xuất hiện lũ quét, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Thượng Quan là địa phương có tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản. Rừng Thượng Quan trước kia rộng và phong phú về chủng loại động, thực vật. Trải qua thời gian dài khai thác không đi đôi với bảo tồn, chủng loại, số lượng động thực vật suy giảm trầm trọng. Trong những năm gần đây, ý thức bảo vệ rừng của nhân dân dần được nâng cao gắn liền với các hoạt động kinh tế lâm nghiệp, do vậy, rừng ở Thượng Quan dần dần được phục hồi và chuyển hóa thành rừng sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Địa bàn Thượng Quan có mỏ vàng Pác Làng. Diện tích mỏ vàng Pác Làng trải rộng đến 370ha tại cả hai xã Thượng Quan và Đức Vân đã được phát hiện trên 100 năm. Trong nhiều năm qua, việc khai thác vàng chủ yếu là phương pháp thủ công, nhỏ lẻ, trái phép gây

bất ổn an ninh trên địa bàn. Kể từ năm 2014, mỏ vàng Pác Lạng chính thức được thăm dò khai thác quy mô lớn, hứa hẹn đóng góp quan trọng cho kinh tế - xã hội xã Thượng Quan tương lai.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ MỘT SỐ NÉT CHÍNH TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA - LỊCH SỬ

1. Quá trình hình thành cộng đồng dân cư

Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Thượng Quan gắn liền với quá trình di dân, hình thành cộng đồng dân cư cùng chung sống trên mảnh đất này. Cách đây hàng ngàn năm, nhiều khả năng trên mảnh đất Thượng Quan đã có người sinh sống, song thời kỳ này chưa có sự phân hóa thành các dân tộc, tộc người. Qua quá trình hàng ngàn năm lịch sử, các cư dân bản địa trên vùng đất Việt Bắc phát triển thành nhóm 2 dân tộc Tày - Nùng. Qua những truyền thuyết, truyện cổ về nguồn gốc của người Tày như truyện "Nạn hồng thủy", "Pú lương quân", cây đa trong huyền thoại với 30 cột trống, 90 cành vươn gắn liền với nhiều địa danh tại Ngân Sơn như Bằng Khẩu, Nà Ngần (Ngân Sơn) là một trong những cơ sở minh chứng cho sự cư trú lâu đời của người Tày tại tỉnh Bắc Kạn. Thông tin lịch sử trong các truyền thuyết này tiếp tục cần xác minh tính xác thực, nhưng cũng có thể coi là một căn cứ để phỏng đoán khoảng thế kỷ XV-XVI vùng đất Thượng Quan ngày nay đã là địa bàn trọng yếu, đông dân của khu vực phía Bắc tỉnh Bắc Kạn, đồng thời là địa bàn cư trú chính của dân tộc Tày. Đến nay, trên địa bàn xã còn

lưu trữ được một số bia công đức khắc chữ Hán có niên đại đầu thế kỷ XIX ghi nhận công lao của một số hào lý đối với sự hình thành và phát triển địa phương. Điều đó khẳng định, cho đến đầu thế kỷ XIX, vùng đất Thượng Quan ngày nay đã đạt trình độ phát triển tương ứng với cả nước cả về kinh tế và văn hóa, giáo dục.

Đồng bào người Dao và người Nùng hiện nay ở Bắc Kạn nói chung và các xã trên địa bàn huyện Ngân Sơn nói riêng mới đến định cư được khoảng trên dưới 200 năm[1]. Đồng bào người Tày và Nùng cư trú ở vùng thấp, đồng bào người Dao cư trú ở vùng cao theo tập quán du canh, du cư. Tuy trên cùng một địa bàn xã nhưng đồng bào sinh sống theo dân tộc mình, ít có sự cư trú đan xen. Đến năm 1945, trên địa bàn xã Thượng Quan ngày nay mới có 10 bản (4 bản đồng bào Tày, 1 bản đồng bào Nùng và 5 bản đồng bào Dao), quy mô dân số toàn xã lúc này mới có khoảng hơn 100 hộ và trên 600 nhân khẩu. Cho đến thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dân số toàn xã Thượng Quan mới có gần 800 nhân khẩu.

Năm 1966, đồng bào người Kinh ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến định cư tại xã Thượng Quan theo chương trình xây dựng kinh tế, chủ yếu cư trú tại Khuôn Pì, Nà Giảo, Cò Luồng, Nà Kéo. Tuy vậy, khi hợp tác xã tan vỡ trong những năm 1980, tình hình địa phương có những biến động phức tạp, đồng bào người Kinh rời bỏ Thượng Quan về quê cũ sinh sống. Năm 1979, đồng bào

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.30.

Mông từ Thông Nông - Cao Bằng do ảnh hưởng của chiến tranh biên giới mới bắt đầu di cư về khu vực thôn Sáo Sào (lúc này vẫn thuộc thị trấn Nà Phặc). Giai đoạn 1954 đến 1992 là thời kỳ dân số Thượng Quan tăng nhanh, chỉ trong khoảng thời gian gần 40 năm, dân số xã Thượng Quan đã tăng gấp gần 3 lần.

Năm 2008, thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn xã Thượng Quan tiếp nhận 45 hộ thôn Sáo Sào (Nà Phặc), 7 hộ thôn Nặm Làng (xã Đức Vân), tổng cộng 363 nhân khẩu phần lớn là đồng bào người Mông, góp phần tăng cường quy mô dân số và sự đa dạng cơ cấu dân số của xã Thượng Quan. Tính đến năm 2015, quy mô dân số toàn xã Thượng Quan có 727 hộ với 3.237 nhân khẩu.

Do địa bàn rộng, yếu tố địa hình tương đối phức tạp, nhiều núi đá, gò đồi, xen kẽ là một số ít thung lũng, cánh đồng bằng phẳng nhỏ hẹp đã tác động đến việc phân bố địa bàn định cư giữa các thành phần dân tộc. Đồng bào người Tày, Nùng và Kinh cư trú ở vùng thấp, trung tâm xã, đồng bào người Dao và người Mông lại sinh sống chủ yếu ở vùng núi cao, quanh chân núi. Trong đó đồng bào Tày sống ở các thôn: Nà Kéo, Khuôn Pì, Nà Giảo, Đông Van, Cò Luồng, Pù Áng; đồng bào Dao ở các thôn Tềnh Kiết, Khuổi Tro, Cốc Lùng, Pác Đa, Pù Pióot, Slam Coóc, Khuổi Bin, Nà Slánh, Ma Nòn, Khau Liêu, Nà Kịt, Khuổi Coóc; đồng bào người Nùng ở Bằng Lạng, Khuổi Khương, Khuổi Đăm; đồng bào Mông chủ yếu ở Sáo Sào, một số ít ở Nà Kéo.

Trải qua quá trình lịch sử hàng ngàn năm, cộng đồng dân cư xã Thượng Quan ngày càng có sự phát triển đa dạng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

2. Một số nét chính về truyền thống văn hóa - lịch sử của nhân dân xã Thượng Quan

Truyền thống lao động sản xuất

Truyền thống lao động sản xuất của đồng bào các dân tộc ở Thượng Quan được hình thành và củng cố qua quá trình lao động sản xuất, chinh phục tự nhiên với hai hình thức chính: kinh tế sản xuất, gồm canh tác nương rẫy trên đất khô của người Dao và làm ruộng nước trên các phần đất phủ nước của người Tày, Nùng và kinh tế khai thác tự nhiên; trong đó hoạt động kinh tế sản xuất đóng vai trò chính.

Canh tác nương rẫy của người Dao là hoạt động sản xuất được tiến hành theo phương thức "ngả cây ăn ngọn", nghĩa là phát rừng, dùng lửa đốt dọn sạch, tận dụng độ phì nhiêu của đất và tro than để gieo trồng. Bên cạnh cây trồng chính là cây lúa nương, trên các nương rẫy đồng bào Dao còn trồng thêm ngô, khoai, rau đậu, bầu bí. Tuy nhiên, do phụ thuộc nhiều vào tự nhiên nên năng suất canh tác thấp, thường xuyên xảy ra tình trạng đói ăn, nhất là mùa giáp hạt. Canh tác lúa nước là hoạt động kinh tế chủ đạo của đồng bào Tày, Nùng. Trải qua quá trình lao động sản xuất lâu dài, người Tày, Nùng đã khai phá các thung lũng ven sông, ven suối thành các cánh đồng ruộng. Đó là những thửa ruộng được be bờ, giữ nước,

canh tác từ năm này qua năm khác. Trong canh tác lúa nước, thủy lợi rất được chú trọng, người Tày, Nùng sáng tạo nhiều loại hình thủy lợi độc đáo như phai, mương, lốc, cọn, lái, lìn... dù còn đơn giản, thô sơ song các loại hình thủy lợi đã phục vụ đắc lực cho nhu cầu tưới tiêu đồng ruộng. Bổ trợ sản xuất nông nghiệp là chăn nuôi và thủ công nghiệp. Các loài vật nuôi rất đa dạng về giống loài, gia súc, gia cầm như: trâu, bò, lợn, chó, gà, vịt... Thủ công nghiệp tương đối phát triển với các nghề rèn, nghề đan lát, may vá.

Cùng với kinh tế nông nghiệp, hoạt động kinh tế khai thác tự nhiên cũng đóng vai trò quan trọng trong đời sống nhân dân ở Thượng Quan. Với diện tích tự nhiên gần 90% là rừng núi thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, các loại động thực vật phong phú, đa dạng đã trở thành các nguồn thu đặc biệt hữu ích bên cạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt những lúc mất mùa, đói kém. Về cơ bản kinh tế tự nhiên gắn liền với việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên từ rừng.

Nhìn chung hoạt động kinh tế truyền thống của người dân Thượng Quan tương đối phong phú. Qua thực tiễn lao động, sản xuất, đồng bào nơi đây đã tích lũy và đúc kết lại được nhiều kinh nghiệm, tri thức quý báu về chọn giống, làm đất, mùa vụ... từ đó góp phần vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo cho nhu cầu đời sống hàng ngày. Tuy nhiên đời sống kinh tế của người dân mang nặng tính chất tự cung tự cấp, sản xuất chủ yếu phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của các hộ gia đình.

Truyền thống văn hóa

Văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc ở Thượng Quan chủ yếu gồm hai bộ phận: văn hóa vật chất (ăn, mặc, ở) và văn hóa tinh thần (các tín ngưỡng, các nghi lễ liên quan vòng đời con người, kho tàng văn học, âm nhạc dân gian).

Về ăn: trong khẩu phần ăn truyền thống của người Tày, Nùng, Dao tinh bột chiếm tỷ lệ lớn nhất và có nguồn gốc từ gạo tẻ, ngô, khoai lang, sắn cùng các loại củ khác được khai thác từ tự nhiên như củ mài, củ từ. Cơ cấu bữa ăn truyền thống theo mô hình cơm - rau - cá (thịt) chỉ xuất hiện trong những dịp lễ, tết, các nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Vào các dịp lễ đặc biệt, trong bữa ăn thường có thêm các món ăn được chế biến từ gạo nếp như xôi, bánh dày, cơm lam, bánh trôi.

Về mặc: Trang phục truyền thống của đồng bào các dân tộc chủ yếu được làm từ vải bông tự trồng, bông sau khi thu hoạch được kéo sợi rồi dệt vải và nhuộm chàm để thành tấm vải hoàn chỉnh. Giữa các dân tộc có sự khác nhau về loại hình trang phục; trang phục của người Nùng và người Dao là sự kết hợp giữa quần và áo, còn trang phục của người Tày lại là váy và áo. Về màu sắc trang phục của các dân tộc cũng có sự khác nhau. Trong trang phục của người Tày, Nùng, màu sắc của quần, áo, váy thiên về màu chàm và ít sử dụng hoa văn trang trí trên trang phục, trong khi đó trang phục của người Dao lại thiên về sử dụng phối hợp các tông màu sặc sỡ kết hợp cùng trang trí hoa văn với các môtíp truyền thống như hoa lá, động vật, kỷ hà, hoa văn tôn giáo.

Về ở: loại hình nhà truyền thống ở Thượng Quan trước đây chủ yếu là nhà sàn của người Tày, Nùng và nhà đất, nhà nửa sàn nửa đất của đồng bào Dao. Nhà sàn là loại hình nhà ở phổ biến và tiêu biểu của người Tày, Nùng và một bộ phận người Dao để chống chọi các loại côn trùng, sâu bọ gây bệnh, các loại động vật lớn gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản như hổ, gấu cũng như sự khắc nghiệt của các hiện tượng tự nhiên: lũ lụt, sạt lở, lũ quét. Đối với người Dao, nhà ở không chỉ là sự thích ứng với điều kiện tự nhiên mà còn phản ánh cấu trúc, tính chất của các bản làng cũng như tín ngưỡng trong đời sống của họ. Nhà đất là loại hình nhà ở đã có từ rất lâu đời và phổ biến trong cuộc sống của người Dao, vì họ quan niệm rằng có ở nhà nền đất thì mới có chỗ để cúng Bàn vương. Loại hình nhà nửa sàn - nửa đất tập trung tại các bản người Dao sống bằng canh tác nương rẫy, còn sống du canh du cư và do cư trú trên đất dốc. Làm nhà nửa sàn - nửa đất, không phải bỏ ra nhiều công sức để san nền, đây không chỉ là một bước phát triển của loại hình nhà nền đất mà là một biến dạng của nhà nền đất để thích ứng với điều kiện sản xuất du canh du cư trên nền đất dốc.

Trong đời sống tín ngưỡng, đồng bào nơi đây theo tín ngưỡng đa thần với quan niệm "vạn vật hữu linh" mọi vật đều có linh hồn nên hệ thống thờ của người dân rất đa dạng, thờ thần sông, thần núi, thần cây, thần đá... trong đó tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đóng vai trò quan trọng nhất. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên bắt nguồn từ niềm tin cho rằng linh hồn của người đã khuất vẫn còn hiện hữu

ảnh hưởng đến đời sống của con cháu; tuy thể xác không còn nhưng linh hồn bất diệt và thường ngự trên bàn thờ để giúp đỡ con cháu, dõi theo những người thân để phù hộ họ khi nguy khó, khuyến khích họ làm những điều lành và cũng quở phạt khi họ làm những điều tội lỗi. Cùng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, vào dịp Tết Thanh minh (ngày mùng 3/3 Âm lịch), đồng bào dân tộc Tày, Nùng có tục đi tảo mộ, bày tỏ tấm lòng thành kính, tưởng nhớ tổ tiên. Đây là dịp con cháu đến thắp hương phần mộ tổ tiên để họ biết, nhớ về cội nguồn, giáo dục truyền thống văn hóa tâm linh thờ cúng tổ tiên.

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đồng bào các dân tộc ở Thượng Quan còn có các nghi lễ đặc sắc liên quan đến vòng đời con người (những nghi lễ liên quan đến cá nhân, từ khi sinh ra đến khi chết) như: lễ cấp sắc của người Dao, lễ đầy tháng của người Tày, Nùng; nghi lễ cưới xin; nghi lễ tang ma... Nghi lễ vòng đời là cách ứng xử của cộng đồng người đối với một cá nhân, cũng là sự ứng xử đối với toàn bộ xã hội và toàn bộ thế giới tự nhiên bao quanh con người; giữa các dân tộc khác nhau, các nghi lễ cũng có sự khác biệt nhất định và điều đó tạo nên đa sắc màu trong văn hóa truyền thống của các dân tộc.

Văn học cổ của đồng bào dân tộc chủ yếu là văn học dân gian (văn học truyền miệng) với nhiều loại hình như truyện cổ tích, thần thoại, ca dao, tục ngữ và văn học viết bằng chữ Nôm Dao, Nôm Tày, Nôm Nùng. Nội dung các câu chuyện xoay quanh các chủ đề chính: nguồn gốc của vũ trụ, các hiện tượng tự nhiên; nguồn gốc của loài người;

công cuộc chinh phục tự nhiên của con người; các nhân vật thông minh chống lại cái ác, cái xấu trong xã hội. Cùng với văn học, các loại hình nghệ thuật như ca hát, múa, diễn xướng... đạt trình độ cao trên nhiều phương diện. Các điệu hát then, hát lượn, hát sli của người Tày, Nùng, hát đối đáp của người Dao kết hợp với các nhạc khí như quả nhạc, thanh la, trống, đàn then, nhị, sáo... đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống thường nhật của người dân nơi đây.

Chương II
THƯỢNG QUAN TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

I. NHÂN DÂN THƯỢNG QUAN TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1930-1945

1. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Ngày 01/9/1858, thực dân Pháp nổ súng tiến công bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng mở đầu quá trình xâm lược nước ta. Năm 1884, triều đình phong kiến hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp. Tại châu Ngân Sơn, năm 1888, quân Pháp dưới quyền chỉ huy của Đại tá Xéc-vi-e đánh chiếm và lập đồn binh tại khu vực thị trấn Vân Tùng ngày nay, chính thức áp đặt sự thống trị tại mảnh đất này.

Về chính trị, thực dân Pháp trực tiếp nắm đến chính quyền cấp tỉnh, ở cấp phủ, huyện (châu), tổng, xã, chúng duy trì bộ máy cai trị người bản địa làm tay sai. Ở cấp châu có tri châu đứng đầu, giúp việc cho tri châu có lục sự, thừa phái. Tại các tổng có chánh tổng, phó tổng, tại các xã có lý trưởng, phó lý và các thủ bạ. Từ năm 1931 trở

đi, chúng lập ra hội đồng kỳ mục, mỗi xã có hội đồng kỳ mục gồm 5 người, từ năm 1941, cấp tổng lập thêm chức Khán lộ phụ trách làm đường và trông coi dân phu. Hệ thống cai trị ở cấp xã, tổng đều là người bản xứ, phần lớn xuất thân trong các gia đình giàu có, do vậy, có quyền lợi gắn chặt với thực dân, phong kiến, sẵn sàng đàn áp và bóc lột nhân dân thậm tệ.

Để hỗ trợ hệ thống cai trị, thực dân Pháp thiết lập ở khu phố Ngân Sơn một đồn binh có 1 trung đội lính khố xanh quân số khoảng hơn 30 tên, trang bị súng trường, phối hợp với chúng sẵn sàng đàn áp nhân dân Ngân Sơn còn có 1 đại đội ở thị xã Bắc Kạn và 1 trung đội ở phố Phủ Thông (Bạch Thông). Về bảo an, ở cấp châu có châu đoàn, cấp tổng có tổng đoàn, phó tổng đoàn, cấp xã có 1 xã đoàn và 2-3 tuần đinh. Ngoài ra, chức dịch địa phương còn được sự hỗ trợ đắc lực của một số cường hào[1] và người giúp việc khác[2].

Nhằm chia rẽ khối đoàn kết thống nhất dân tộc Việt Nam, thực dân - phong kiến áp dụng triệt để chính sách chia để trị thâm độc: sử dụng lính người dân tộc này đàn áp người dân tộc khác, gieo rắc tư tưởng trong đồng bào dân tộc thiểu số ghét người miền xuôi, chia rẽ giữa các bản làng, dòng họ.

---

1. Xã Thượng Quan là địa bàn quan trọng nhất của tổng Thượng Quan, do vậy, địa bàn xã cũng thường là nơi cư ngụ của Chánh tổng Thượng Quan và kể cả một số Tri châu, lục sự nghỉ hưu.
2. Các chức dịch địa phương khi nắm quyền thường kéo theo con em, họ hàng của mình tham gia công việc cai trị.

Về kinh tế, dưới chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân Thượng Quan bị bóc lột tàn tệ với nhiều loại thuế. Trong đó, thuế thân (hay còn gọi là thuế đinh) là tàn bạo nhất, đánh vào các đinh nam tuổi từ 18-60 tuổi, mỗi suất đinh phải nộp 2,5 đồng Đông Dương, thiên tai cũng không được miễn, chức dịch địa phương thường lạm thu đến trên 3 đồng.

Bên cạnh thuế thân là thuế ruộng, thuế nhà ở, thuế trâu, bò, thuế rừng... Thuế ruộng có 3 mức: 2 đồng, 1 đồng và 3 hào/mẫu/năm[1]. Lợi dụng tình trạng phần lớn người dân mù chữ, chức dịch địa phương lập sổ địa bạ thường khống diện tích thực của nông dân và quy bổ mức thuế vượt mức thực tế. Chẳng hạn, hộ nông dân có 7 bung ruộng thực tế nhưng trên giấy tờ có thể là 8-9 bung, ruộng loại 2 (1 đồng/mẫu) nhưng có khi phải đóng biểu thuế loại 1 (2 đồng/mẫu). Thuế thổ trạch (nhà đất) từ 1,2-1,5 đồng/hộ/năm, cơ bản không chênh lệch nhiều giữa nhà giàu và nhà nghèo. Thuế nuôi ngựa mỗi năm phải nộp từ 20-30 kg thóc/năm. Bên cạnh chính sách thuế khóa nặng nề, chính quyền tay sai thi hành chính sách kiểm lâm hà khắc, người dân Thượng Quan bao đời sống dựa vào rừng, nhưng dưới ách cai trị của thực dân - phong kiến, việc khai thác lâm, thổ sản của nhân dân vừa bị đánh thuế, vừa bị bọn lý dịch địa phương sách nhiễu[2].

---

1. Một mẫu ruộng bằng 3.600m², tương đương với 3,6 bung, là đơn vị tính biểu thuế phổ biến trên toàn Bắc Bộ thời Pháp thuộc.

2. Bình quân mỗi gia đình phải chịu không dưới 10 đồng Đông Dương thuế/năm , tương đương với gần 5 tạ gạo (tính theo thời giá năm 1933, mỗi tạ gạo ngon có giá 2,1 đồng). Số tiền thuế hằng năm mà gia đình phải gánh đủ để nuôi sống 1 người lớn và 1 trẻ nhỏ.

Muối và rượu là hai mặt hàng người dân có nhu cầu thường xuyên bị chế độ thực dân áp dụng chính sách độc quyền (cấm buôn muối, nấu rượu, kể cả tự nấu để uống), đảm nhiệm việc bán muối và rượu cho dân là các đại lý ở phố Ngân Sơn. Do vậy, nạn thiếu muối thường xuyên xảy ra, nhiều gia đình nghèo ở Thượng Quan phải đốt nứa lấy than tro ngâm nước để ăn thay muối.

Về phu dịch, theo quy định của chính quyền thực dân, mỗi người dân phải đi phu một năm hai lần, mỗi lần từ 10-12 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu phải làm việc nặng nhọc, nhận được số tiền công rẻ mạt và thường xuyên bị bọn lý dịch đánh đập, bòn rút. Từ năm 1938, thực dân Pháp tiến hành khai thác mỏ vàng ở Lương Thượng - Na Rì, mỏ vàng Khau Pàn; mỏ thiếc ở Vân Tùng, nhân dân xã Thượng Quan bị bắt ép đi phu mở đường để khai thác vàng, thiếc. Nhân công khai mỏ được thuê mướn rẻ mạt, thời gian làm việc kéo dài, nguy hiểm, độc hại nhiều người dân Thượng Quan thiệt mạng oan uổng hoặc tàn phế vì giấc mộng làm giàu của bọn thực dân phong kiến. Trong các năm 1939-1940, nhân dân Thượng Quan và nhân dân Ngân Sơn còn bị cưỡng ép đi phu xây nhà nghỉ của hoàng đế bù nhìn Bảo Đại ở hồ Ba Bể và xây sân bay Bắc Kạn phục vụ chiến tranh đế quốc.

Thuế cao, phu phen, tạp dịch nhiều nhưng việc chi ngân sách của chính quyền thực dân, tay sai chủ yếu tập trung vào các công trình phục vụ quân sự và phục vụ cho thực dân, quan lại, các công trình dân sinh, phục vụ sản xuất ít được quan tâm. Tập quán canh tác, công cụ lao

động lạc hậu, năng suất chỉ đạt được 70-80 kg/bung. Phần lớn ruộng đất tốt nằm trong tay địa chủ và phú nông, nông dân chỉ có một số diện tích hạn chế ruộng xấu. Các gia đình nhận ruộng của địa chủ phải nhận mức tô rất cao (khoảng hơn 1/3 sản lượng). Do vậy, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, dù có khai thác thêm lâm, thổ sản nhưng mỗi năm người dân vẫn thiếu ăn từ 4-5 tháng. Mùa đông giá rét, nhân dân thường phải dùng vỏ cây sui thay chăn chống rét.

Về văn hóa - giáo dục - y tế: Toàn châu Ngân Sơn trước 1945 chỉ có 3 trường Tiểu học bán cấp tại Hoàng Phài (Cốc Đán), Nà Phặc và Vân Tùng. Mỗi trường hằng năm tuyển từ 10-15 học sinh và chỉ đào tạo đến lớp 3 gọi là Sơ học yếu lược (Prime Ê-li-măng-tơ), muốn học tiếp để tốt nghiệp Tiểu học (Xéc-vi-ti-ca), phải xuống thị xã Bắc Kạn.Trong điều kiện kinh tế và giao thông khó khăn, chỉ có một số con em các gia đình địa chủ, lý dịch được đi học, còn lại đại bộ phận (hơn 95%) dân số Thượng Quan mù chữ.

Chế độ thực dân, phong kiến ít quan tâm đến công tác y tế, nhân dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm dân gian và cúng bái, tuổi thọ rất thấp, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ có khi lên đến 30%, tuổi thọ trung bình phần lớn chỉ ở mức 35-40 tuổi. Dịch bệnh, nạn sốt rét, kiết lỵ phù thũng do thiếu muối luôn là mối đe dọa thường xuyên. Cùng với đó, thực dân Pháp khuyến khích duy trì những phong tục, tập quán lạc hậu... dung túng cho nạn hút thuốc phiện, uống rượu, lợi dụng cả một số hình thức tín ngưỡng để mị dân, nhằm suy giảm ý chí đấu tranh của nhân dân ta.

Dưới ách bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân Thượng Quan phải sống cực khổ, mâu thuẫn giữa nhân dân với thực dân Pháp và tay sai ngày càng sâu sắc. Đó là nguyên nhân cơ bản thúc đẩy đồng bào phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng nhân dân cả nước vùng dậy đấu tranh đánh đổ thực dân và phong kiến tay sai, giành lại độc lập dân tộc và xây dựng chế độ xã hội mới.

2. Xây dựng và bảo vệ lực lượng cách mạng, tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

Tháng 02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, mở ra bước ngoặt vĩ đại cho cách mạng nước ta. Ngay sau khi thành lập, vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy và thể hiện qua các cao trào cách mạng 1930-1931 và 1936-1939. Tuy vậy, do khoảng cách về địa lý, trong khoảng hơn 10 năm sau khi Đảng thành lập (1930-1942), ảnh hưởng của cách mạng cơ bản chưa đến với nhân dân Thượng Quan. Phong trào đấu tranh của nhân dân Ngân Sơn trong những năm 1935-1939 chống bắt phu, bắt lính tuy diễn ra rộng rãi ở khắp các xã nhưng vẫn là hình thức đấu tranh tự phát, rời rạc.

Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về mở rộng căn cứ địa Cao Bằng, nối liền phong trào cách mạng ở các tỉnh vùng Việt Bắc, tháng 11/1942, Ban Chấp hành Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng thành lập, tiếp đó, tháng 01/1943, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng thành lập chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào cách mạng 3 tỉnh

Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn. Tháng 3/1943, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh chỉ đạo thành lập Ban xung phong Nam tiến tại châu Nguyên Bình do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Địa bàn Ngân Sơn án ngữ tuyến đường Cao Bằng về Thái Nguyên trở thành vùng đệm quan trọng mở rộng ảnh hưởng cách mạng.

Mùa hè năm 1943, đội xung phong Nam tiến từ châu Nguyên Bình tiến về Ngân Sơn và chia làm hai mũi hoạt động, trong đó mũi đi hướng Thượng Quan gồm các đồng chí Hoàng Thịnh (tức Hoàng Thanh Tiến), Dương Văn Long, Nông Công Tú từ bản É xã Thượng Ân qua các xã Cốc Đán, Bằng Đức, Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang qua Na Rì. Trên đường di chuyển, đội xung phong Nam Tiến đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Tại Thượng Quan, đội xung phong Nam Tiến đã giúp đỡ phong trào địa phương xây dựng được các tổ Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân cứu quốc với hàng chục hội viên. Tại bản Pác Đa và Slam Coóc giác ngộ được các quần chúng: Bàn Kim Sài, Bàn Kim On, Bàn Kim Thành, Bàn Thạch Cổng, Đặng Công Ninh, Đặng Cao Lâm. Thôn Cò Luồng giác ngộ được quần chúng: Nông Công Thịnh (bí danh là Nông Thăng Lọc), Nông Công Phan (bí danh là Quốc Hưng), Nông Công Thủy (bí danh là Nông Minh Châu), Nông Công Cử (bí danh là Đại Lợi), Đinh Quang Quyền (bí danh là Quang Hưng), Đinh Quang Thiệu (bí danh là Quang Phong), Nguyễn Công Cẩm. Thôn Đông Van giác ngộ được: Ngô Ngọc Lụng, Ngô Văn Tiều, Ngô Thị Kiệm

(bí danh là Ngọc Quỳnh). Thôn Pù Lẹng giác ngộ được Mã Văn Kiển (bí danh Điều Lọc).

Nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đội xung phong Nam tiến quyết định chia địa bàn châu làm 2 tổng, lấy tên các thủ lĩnh phong trào yêu nước chống Pháp: tổng Đội Cung[1] (tương ứng với địa bàn tổng Bằng Đức[2] và tổng Hạ Quan cũ); tổng Phan Đình Phùng[3] (tương ứng địa bàn tổng Thượng Quan cũ). Ban Chấp hành Việt Minh hai tổng được thành lập, chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp phong trào cách mạng các xã, từ đó, phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng đến sự kiện thành lập Chi bộ Chí Kiên tháng 9/1943, Chi bộ Đảng đầu tiên của châu Ngân Sơn và cả tỉnh Bắc Kạn. Tiếp đó, ngày 7/11/1943, Ban Chấp hành Việt Minh châu Ngân Sơn (lấy bí danh là châu Ngọc Quyến) được thành lập, cùng Chi bộ thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn châu Ngân Sơn.

Lo sợ trước phong trào cách mạng ở Ngân Sơn, tháng 12/1943, thực dân Pháp huy động hàng trăm binh lính tổ chức càn quét vào châu Ngân Sơn theo 3 hướng, trong đó có 1 cánh quân tiến vào các xã Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang. Đi đến đâu, chúng ra sức khủng bố, cướp bóc, sát hại cán bộ và quần chúng

---

1. Tức Trần Văn Cung, ông làm chức Đội trong quân đội thuộc địa, năm 1941, ông lãnh đạo binh lính dưới quyền làm binh biến Đô Lương thất bại, bị thực dân Pháp tử hình.
2. Sau đổi thành tổng Chí Kiên.
3. Cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo khởi nghĩa chống Pháp tại Hương Khê - Hà Tĩnh trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX.

yêu nước. Mỗi gia đình có người làm liên lạc cho cách mạng bị chúng bắt nộp 20 đồng, có người nhà là hội viên Việt Minh phải nộp 200 đồng, dã man hơn, chúng treo thưởng 1 tạ muối cho 1 đầu đảng viên cộng sản hoặc cán bộ Việt Minh. Với thủ đoạn thâm độc "tách cá ra khỏi nước", chúng cưỡng ép nhân dân phải tiến hành rào làng dồn bản thành các khu tập trung đặt dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của binh lính và lý dịch, cường hào địa phương. Chi bộ Chí Kiên và Ban Chấp hành Việt Minh châu Ngân Sơn đã chỉ đạo cán bộ, hội viên Việt Minh, đoàn thể cứu quốc các xã tổ chức cho nhân dân công khai đấu tranh chống địch khủng bố. Đồng thời, các xã thành lập Ban Xung phong chống khủng bố gồm những cán bộ và quần chúng trung kiên nhất chủ động tiến hành hoạt động trừ gian, diệt ác. Nhiều quần chúng ở các xã Thượng Quan, Thuần Mang, Thượng Ân, Cốc Đán vẫn tích cực bí mật tiếp tế cho cán bộ, tích trữ lương thực cho cách mạng. Sau nhiều tháng càn quét không hiệu quả, địch buộc phải rút khỏi Ngân Sơn.

Sau khi địch rút khỏi Ngân Sơn, phong trào cách mạng được khôi phục và tiếp tục phát triển. Tháng 5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra lời kêu gọi "Sắm sửa vũ khí đuổi thù chung", trên cơ sở đó, Chi bộ và Ban Chấp hành Việt Minh châu Ngân Sơn chỉ đạo phong trào các xã tập trung xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Tháng 9/1944, các xã được cử đại diện đi huấn luyện khởi nghĩa vũ trang tại Nguyên Bình, Cao Bằng. Từ đội ngũ cán bộ nòng cốt này, xã

Thượng Quan xây dựng được 1 trung đội tự vệ chiến đấu. Tuy vũ khí của trung đội rất nghèo nàn, chỉ có 1 số súng kíp trang bị cho cán bộ trung đội và tiểu đội, toàn bộ quần áo, lương thực phải tự túc song tinh thần anh em tự vệ rất hăng hái, trung đội bí mật tổ chức huấn luyện vũ trang và quyên góp mua sắm thêm vũ khí. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Việt Minh huyện, các tổ Cứu quốc ở xã Thượng Quan còn tiến hành xây dựng "kho thóc khởi nghĩa" tại Khau Mò. Đồng bào đi làm nương rẫy bí mật mang gạo góp cho cách mạng, đảm bảo lương thực cho đội tự vệ chiến đấu trong 6 tháng khi bị địch bao vây, tấn công.

Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Trước tình hình đó, ngày 12/3/1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước, tiến tới toàn dân khởi nghĩa vũ trang khi thời cơ cách mạng đến. Chấp hành Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng họp tại Lam Sơn (Hòa An, Cao Bằng) quyết định: Đánh đổ ách thống trị của Pháp ở nông thôn, tùy từng nơi thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh; phân phối cán bộ đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương, tổ chức các đơn vị Giải phóng quân chuẩn bị đánh Nhật. Lúc này, nhiều trung đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân hành quân qua Ngân Sơn tỏa về các châu Na Rì, Bạch Thông, Chợ Rã. Trong đó, ngày 18/3/1945,

trung đội do đồng chí Đức Long chỉ huy hành quân qua địa bàn các xã Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang được sự đón chào nồng nhiệt của quần chúng, đồng thời khiến chính quyền tay sai cấp tổng và cấp xã hoang mang, rệu rã.

Ngày 20/3/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy một đại đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tiến về giải phóng hoàn toàn Châu lỵ Ngân Sơn. Quân địch ở Ngân Sơn do tên sĩ quan Đơ - Lông chỉ huy hoang mang, rệu rã nhanh chóng đầu hàng cách mạng. Ngày 21/3/1945, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và quần chúng cách mạng mít tinh biểu dương lực lượng chào mừng thắng lợi giải phóng châu lỵ. Tiếp đó, lực lượng cách mạng tiến về các xã thuộc tổng Thượng Quan giải tán chính quyền tay sai, bắt giam các lý dịch, quản chiểu ngoan cố, tịch thu vũ khí, sổ sách, bằng triện. Đến cuối tháng 3/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời xã Thượng Quan được thành lập do đồng chí Mã Văn Kiển giữ chức vụ Chủ tịch.

Cũng trong thời gian cuối tháng 3/1945, Nhật cho 1 trung đội bảo an chiếm đóng Châu lỵ Ngân Sơn, tập hợp bọn tay sai phản động đe dọa tiến công các xã mới giải phóng. Trước tình hình đó, Ủy ban ban nhân dân lâm thời xã Thượng Quan đã tích cực lãnh đạo nhân dân sẵn sàng chiến đấu, lực lượng tự vệ xã Thượng Quan lúc này phát triển lên đến gần 50 đội viên.

Tháng 4/1945, một trung đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân kết hợp với tự vệ các xã tiến

hành bao vây, bức hàng trung đội lính bảo an, phá tan âm mưu chiếm đóng Ngân Sơn của phát xít Nhật. Thắng lợi này đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của nhân dân châu Ngân Sơn, góp phần củng cố chính quyền cách mạng. Tháng 6/1945, tại bản Cò Luồng xã Thượng Quan, Ủy ban nhân dân lâm thời châu Ngân Sơn được thành lập do đồng chí Đồng Phúc Vọng giữ chức vụ Chủ tịch.

Từ tháng 5 đến tháng 7/1945, phát xít Nhật tiếp tục có những hành động hung hăng nhằm trấn áp phong trào cách mạng ở Ngân Sơn. Chúng tiếp tục chiếm đóng Nà Phặc, đồng thời mở nhiều cuộc hành quân càn quét vào các xã. Điển hình như cuộc hành quân vào Thuần Mang ngày 15/6/1945, chúng sát hại 6 cán bộ, quần chúng cách mạng. Rút kinh nghiệm từ Thuần Mang, Ủy ban nhân dân lâm thời xã Thượng Quan chỉ đạo lực lượng vũ trang chủ động tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo công tác truyền tin bằng phương pháp sử dụng tù và, mõ khi có địch tiến công. Sau một số hoạt động quân sự không hiệu quả, quân Nhật co cụm lại thị xã Bắc Kạn, chấm dứt tiến đánh Ngân Sơn.

Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng lãnh đạo các địa phương trong cả nước nhất tề đứng dậy giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, mở ra một kỷ nguyên mới với đất nước nói chung và nhân dân xã Thượng Quan nói riêng: Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Củng cố và xây dựng lực lượng chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám với sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/9/1945 đánh dấu mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Thượng Quan bước đầu được hưởng những quyền lợi do cách mạng đem lại nên phấn khởi, gắn bó, tin tưởng, quyết tâm xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Tuy nhiên, phong trào cách mạng địa phương trong những ngày đầu độc lập đứng trước nhiều khó khăn, thử thách to lớn: lực lượng cán bộ ít, thiếu nhiều kinh nghiệm quản lý, điều hành; hậu quả của chế độ cũ cả về kinh tế và xã hội hết sức nặng nề. Trong khi đó, từ tháng 9/1945, quân Tưởng núp dưới chiêu bài Đồng Minh vào tước khí giới quân Nhật đã tràn vào nước ta. Tuy không đóng quân ở Ngân Sơn xong bọn đặc vụ Tưởng ra sức sục sạo, len lỏi vào các bản, lôi kéo người Hoa ở xã Lãng Ngâm, phố Ngân Sơn và xã Bằng Khẩu vào tổ chức "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" với các luận điệu tuyên truyền kích động nhiều đồng bào người Nùng, người Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc, chống đối chính sách của Mặt trận Việt Minh đồng thời tích cực tập hợp lực lượng, sẵn sàng cướp chính quyền.

Ngày 03/9/1945, Hội đồng Chính phủ họp phiên đầu tiên đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết, trong đó

nhấn mạnh đến nhiệm vụ giải quyết "giặc đói", giặc dốt và giặc ngoại xâm. Ngày 25/11/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", xác định rõ nhiệm vụ cấp bách của nước ta là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Ủy ban cách mạng lâm thời châu Ngân Sơn chỉ đạo các cơ sở nhanh chóng tiến hành thực hiện các phong trào "Tăng gia sản xuất", "Bình dân học vụ" củng cố chính quyền, các đoàn thể cứu quốc, lực lượng tự vệ làm nòng cốt cho công tác ổn định đời sống nhân dân.

Thượng Quan là xã miền núi, trên địa bàn xã không xảy ra nạn chết đói như các địa phương miền xuôi. Tuy vậy, trong 2 năm 1944-1945, địa bàn xã thường xuyên bị địch tiến công hoặc đe dọa tiến công, do vậy, một số diện tích đất bị bỏ hoang, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy - Ủy ban hành chính huyện Ngân Sơn, chính quyền và Mặt trận Việt Minh xã Thượng Quan đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tăng gia sản xuất. Đội tự vệ vũ trang xã được giao nhiệm vụ thay mặt chính quyền trực tiếp xuống giúp đỡ các gia đình phục hoang, khai hoang thêm diện tích, chú trọng gieo cấy kịp thời vụ ngô xuân năm 1946 để chống đói. Chính quyền tổ chức các hoạt động vận động nhân dân lập hũ gạo cứu đói, các gia đình khá giả cho các gia đình thiếu ăn vay với lãi xuất nhẹ hoặc không lãi xuất. Dù điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, song trong phong trào xây

dựng "Hũ gạo cứu đói" và "Hũ gạo nuôi quân", toàn xã Thượng Quan đã đóng góp được hơn 500kg gạo nộp cho Ủy ban hành chính huyện chuyển đi cứu đồng bào bị ảnh hưởng từ nạn đói năm 1945, một số hộ gia đình khá giả ủng hộ trâu, lợn cho cách mạng. Thực hiện theo Sắc lệnh ngày 07/9/1945 của Chính phủ về việc bãi bỏ các sắc thuế vô lý như thuế thân, thuế muối.. . và Sắc lệnh giảm tô, chính quyền xã Thượng Quan đã tiến hành tuyên truyền đến đông đảo nhân dân về chính sách của Chính phủ, trên cơ sở đó làm áp lực buộc nhóm địa chủ ở xã phải thực hiện giảm tô theo quy định của Chính phủ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác giáo dục, nâng cao trình độ nhận thức của nhân dân, ngày 06/9/1945, Chính phủ ban hành sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ Trung ương và Ban Bình dân học vụ các cấp. Trên địa bàn xã Thượng Quan, từ cuối năm 1945, Ban Bình dân học vụ được thành lập, thầy giáo đứng lớp là các đồng chí cán bộ chính quyền và mặt trận. Nội dung giảng dạy được kết hợp với nội dung tuyên truyền, vận động nhân dân tin và làm theo đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ. Tuy nhiên địa bàn xã quá rộng, nhân dân phân tán, do vậy, công tác bình dân học vụ gặp nhiều khó khăn, chỉ mở được 1 số lớp tại các bản vùng thấp, đối tượng học chủ yếu là đội viên tự vệ và cán bộ thôn.

Từ cuối năm 1945, cán bộ và nhân dân Thượng Quan tập trung thực hiện nhiệm vụ củng cố hệ thống chính trị theo Sắc lệnh số 51-SL ngày 17/10/1945 về bầu cử Quốc hội, Sắc lệnh số 63/SL ngày 22/11/1945 về Tổ chức

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Ngày 06/01/1946, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, chính quyền xã đã lãnh đạo nhân dân tổ chức tốt bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn. Tại các điểm bầu cử được treo cờ đỏ sao vàng. Đội tự vệ cứu quốc được bố trí để bảo vệ trật tự an toàn và hướng dẫn nhân dân trong suốt thời gian diễn ra bầu cử. Với đặc thù là địa bàn miền núi, tỷ lệ mù chữ cao, chính quyền đã thực hiện tốt công tác vận động nhân dân, từ đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo tỷ lệ bỏ phiếu đạt gần 90%.

Sau thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội khóa I, cán bộ và nhân dân Thượng Quan tiếp tục đẩy mạnh công tác thi đua sản xuất, ổn định tình hình văn hóa, xã hội. Tháng 3/1946, căn cứ theo yêu cầu, nhiệm vụ kháng chiến, Huyện ủy Ngân Sơn quyết định sáp nhập xã Thuần Mang vào xã Thượng Quan. Xã Thượng Quan lúc này có diện tích hơn 200km^2, dân số có khoảng 1.200 khẩu với 21 bản (trong đó, địa bàn thuộc Thượng Quan ngày nay có 10 bản, trên 600 người, khu Thị Xuân thuộc Thuần Mang có 4 bản với khoảng 200 khẩu, khu Quang Khải thuộc Thuần Mang có 7 bản khoảng 390 khẩu). Sau khi nhập xã, tháng 4/1946, cán bộ và nhân dân xã Thượng Quan tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh và xã. Hội đồng nhân dân xã Thượng Quan khóa I (nhiệm kỳ 1946-1949) có hơn 20 đại biểu đã bầu ra Ủy ban hành chính xã gồm 5 ủy viên do đồng chí Mã Văn Kiển giữ chức vụ Chủ tịch xã[1].

1. Tháng 12/1946, đồng chí Nông Văn Tôn thay đồng chí Mã Văn Kiển.

Sau thắng lợi của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, các đoàn thể cứu quốc xã được củng cố, kiện toàn. Đông đảo nhân dân địa phương tham gia vào các tổ chức quần chúng như Thanh niên cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc. Đặc biệt là Mặt trận Việt Minh, xã Thượng Quan lúc này chưa có Chi bộ Đảng, Mặt trận Việt Minh đóng vai trò thay mặt Đảng lãnh đạo các phong trào cách mạng địa phương. Sau khi hợp nhất cùng xã Thuần Mang, Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh được kiện toàn gồm 4 đồng chí: đồng chí Đinh Thiện Sơn làm Chủ nhiệm, các đồng chí Hoàng Văn Sán, Hà Văn Chư, Chung Văn Thái là Ủy viên.

Hệ thống chính quyền cách mạng được củng cố, trở thành một hệ thống nhất và hoạt động có hiệu quả trong các cuộc vận động tăng gia sản xuất, bình dân học vụ và xây dựng lực lượng kháng chiến. Trong năm 1946, cán bộ và nhân dân xã Thượng Quan đã hoàn thành chỉ tiêu đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Sản lượng lương thực toàn xã Thượng Quan đạt trên 200 tấn, đóng góp ủng hộ cho Nhà nước được hàng tấn lương thực. Về bình dân học vụ, đến cuối năm 1946. Toàn xã đã có hơn 100 người thoát mù chữ, các bản đều có ít nhất một người biết chữ.

Lực lượng dân quân tự vệ xã Thượng Quan lúc này đã xây dựng được 2 trung đội với quân số hơn 50 người bao gồm 1 trung đội dân quân sẵn sàng chiến đấu, trang bị vũ khí có 2 súng trường, 6 súng kíp (súng trường cho trung đội trưởng, trung đội phó; 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội có 2 súng kíp); 1 trung đội dân quân dự bị (mỗi tiểu đội được trang bị 01 súng kíp).

Đầu tháng 12/1946, mọi nỗ lực của Chính phủ ta trong thương lượng hòa bình với Pháp đều không có kết quả, chúng đáp lại thiện chí của ta bằng cách tăng viện binh, gây hấn ở nhiều nơi. Đảng, Nhà nước và dân tộc ta không còn con đường nào khác ngoài con đường cầm súng chiến đấu. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", kêu gọi nhân dân cả nước nhất tề đứng lên đánh đuổi quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Cùng nhân dân cả nước, quân và dân xã Thượng Quan bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ.

2. Tham gia chiến đấu giải phóng quê hương (1947-1949)

Tháng 2/1947, sau hơn 2 tháng chiến đấu anh dũng tại các đô thị, Trung ương Đảng, Chính phủ và các lực lượng vũ trang nhân dân lần lượt rút về căn cứ địa Việt Bắc thực hiện sự nghiệp kháng chiến trường kỳ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Ngân Sơn, quân và dân xã Thượng Quan nhanh chóng chuyển hướng hoạt động sẵn sàng chiến đấu. Tháng 3/1947, cơ quan quân sự các cấp từ tỉnh đến huyện, xã được thành lập, thống nhất gọi tổ chức tự vệ và tự vệ chiến đấu thành dân quân du kích. Ủy ban kháng chiến hành chính xã[1] vận động mỗi gia đình đào 1-2 hầm trú ẩn,

1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Ủy ban bảo vệ các xã được thành lập, sau một thời gian ngắn đổi thành Ủy ban kháng chiến. Tháng 10-1947, hai Ủy ban sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính. Từ tháng 3/1948 gọi là Ủy ban Kháng chiến Hành chính để điều hành các hoạt động kháng chiến, kiến quốc đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (1954).

vừa để cất giấu lương thực vừa để trú ẩn khi cần thiết. Các đội thông tin, liên lạc phục vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được thành lập. Nếp sống, tác phong quân sự được nhân dân thực hiện nghiêm túc, mỗi gia đình chuẩn bị số lương thực đủ ăn từ 3-6 tháng, riêng muối phải đủ dùng từ 6 tháng đến 1 năm. Toàn xã dự trữ gần 20 con trâu làm nhiệm vụ vận chuyển. Lực lượng dân quân Thượng Quan cũng tích cực phối hợp với các xã trong châu Ngân Sơn tham gia vót, cắm bãi chông tại khu vực phố Ngân Sơn, xã Bằng Khẩu và Bằng Đức, sẵn sàng đánh địch nhảy dù.

Từ thực tiễn các phong trào, nhiều quần chúng cách mạng của địa phương ngày càng trưởng thành, được Châu ủy kết nạp vào Đảng. Năm 1947, Thượng Quan có đồng chí Nông Công Thịnh được kết nạp vào Đảng tại Chi bộ Châu ủy Ngân Sơn. Sau đồng chí Nông Công Thịnh, một số đồng chí khác trên địa bàn Thượng Quan và Thuần Mang được kết nạp vào Đảng.

Ngày 7/10/1947, địch huy động 1.200 lính nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, mở đầu chiến dịch tiến công Việt Bắc. Châu ủy Ngân Sơn chỉ đạo các xã nhanh chóng chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Cơ quan Châu ủy lúc này chuyển về nhà các ông Nông Công Việt, Nông Công Hàn, Nông Minh Châu tại bản Cò Luồng, xã Thượng Quan. Thực hiện sự chỉ đạo của huyện, quân dân xã Thượng Quan tích cực sẵn sàng chiến đấu và tham gia bảo vệ, giúp đỡ các cơ quan huyện.

Ngày 16/10/1947, địch chiếm đóng Ngân Sơn, ngay khi đặt chân đến mảnh đất này, chúng đã vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân và dân ta. Đại đội 93, Trung

đoàn 72 tỉnh Bắc Kạn đã phối hợp với quân dân Ngân Sơn giáng cho địch những thất bại nặng nề tại đèo Khau Khang (Vân Tùng), cầu Nà Nọi (Thiều Quan)... đặc biệt là trong trận Đèo Giàng (Lãng Ngâm) góp phần vào chiến thắng chung của quân dân ta, buộc địch phải rút quân và ngưng cuộc tiến công lên Việt Bắc vào tháng 12/1947.

Nhận rõ tầm quan trọng vị trí địa lý quân sự của huyện Ngân Sơn, quân Pháp vẫn tiếp tục ngoan cố chiếm đóng các cứ điểm Nà Phặc, Ngân Sơn, Bằng Khẩu. Tại đây, chúng xây dựng hệ thống lô cốt kiên cố, tăng cường quân số chiếm đóng lên đến 700-800 tên[1] (Bằng Khẩu có từ 300-500 tên; Ngân Sơn và Nà Phặc, mỗi vị trí có từ 100-200 tên) tạo thành thế chiếm đóng liên hoàn 5 đồn (Bằng Khẩu - Ngân Sơn - Nà Phặc - Phủ Thông và Thị xã Bắc Kạn) án ngữ đường số 3. Chúng ra sức tập hợp bọn phản động, tay sai, xây dựng được 2 trung đội tay sai do tên Chén A Thái và Lý Tiến Hình cầm đầu đóng ở huyện lỵ và Bằng Khẩu, bắt mối liên lạc với bọn chánh tổng lý trưởng cũ ở các xã.

Bước sang năm 1948, địch tăng cường đẩy mạnh càn quét, thọc sâu vào các xã, tìm diệt lực lượng vũ trang, cán bộ và khủng bố nhân dân ta. Ngày 04/01/1948, địch tổ chức lực lượng từ Ngân Sơn đánh vào khu vực thôn Khuôn Pì xã Thượng Quan, bắn chết ông Đàm Văn Liền và đồng chí Bế Đình Nghe là du kích xã[2]. Tiếp đó, ngày

1. Ngân Sơn, Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).
2. Tư liệu do đồng chí Đinh Hữu Ỳ cung cấp.

06/02/1948, địch càn quét vào khu Thị Xuân, trong trận càn này, chúng bắn chết tại chỗ 1 người, bắn bị thương 2 người, bắt, tra tấn và sát hại 1 người tại đầu cầu Nà Phặc.

Tháng 3/1948, Chi bộ Thượng Quan được thành lập với 4 đảng viên do đồng chí Nông Công Thịnh giữ chức vụ Bí thư Chi bộ. Sự kiện này là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của cán bộ và nhân dân xã Thượng Quan. Kể từ đây, phong trào cách mạng của Thượng Quan có sự lãnh đạo độc lập, kịp thời, phù hợp với tình hình cấp bách của thời chiến.

Đêm ngày 09/4/1948, quân Pháp tổ chức lực lượng tương đương cấp đại đội bất ngờ tiến công vào địa bàn khu Quang Khải - xã Thượng Quan (nay địa bàn Quang Khải là xã Thuần Mang), địch bắt vợ chồng anh Ma Văn Tông và chị Đinh Thị Loẹt tra tấn bắt khai ra cán bộ và bộ đội nhưng vợ chồng anh chị kiên quyết không khai. Lực lượng du kích xã Thượng Quan tích cực bám địch, cử người báo tin cho bộ đội Tiểu đoàn 77 đang đóng tại Khuổi Nhọt (nay thuộc xã Thuần Mang). Rạng sáng ngày 10/4/1948, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 77 cử đồng chí Ngân Giang dẫn 1 trung đội bộ đội hành quân về Thượng Quan, phối hợp cùng dân quân tổ chức tiến công địch, bắn chết tên trung úy (quan Hai) Pháp, làm bị thương nhiều tên khác, buộc chúng phải bỏ lại toàn bộ trâu bò lương thực cướp được và tháo chạy về đồn Ngân Sơn.

Đêm ngày 13/4/1948, quân Pháp tiếp tục sử dụng lực lượng cấp đại đội bí mật hành quân tiến công xã Thượng Quan để trả thù cho trận thua ngày 10/4/1948. Sáng ngày

14/4/1948, chúng bắt được đồng chí Bế Đình Túc cán bộ mặt trận Việt Minh, tra tấn và sát hại đồng chí tại bản Nà Mu, sau đó ngày 26/8/1948 chúng đốt cháy nhiều nhà ở bản Giang (khu Quang Khải).

Trước tình hình địch tiến công gắt gao, Chi bộ quyết định vận động nhân dân tiến hành sơ tán, tản cư sang địa bàn xã Hương Nê và địa bàn xã Lương Thượng, Kim Hỷ (Na Rì), Chi bộ Đảng tạm thời rút sang Hương Nê chỉ đạo kháng chiến. Với ưu thế về lực lượng, quân Pháp liên tục mở các trận tiến công càn quét địa bàn các xã Thượng Quan, Hương Nê gây cho ta nhiều tổn thất. Trong đó có trận càn vào Thượng Quan chúng bắn chết đồng chí Nông Công Thịnh[1] (tức Nông Thưởng Học) là Bí thư Chi bộ xã tại khu rừng Phja Cóoc trên bản Cò Luông cùng một số đồng chí cán bộ huyện, đồng thời cướp bóc nhiều tài sản, lương thực, trâu bò.

Trong khói lửa chiến tranh ác liệt, nhiều tấm gương đảng viên, dân quân, du kích và quần chúng trung kiên đã không quản ngại hi sinh gian khổ chiến đấu bảo vệ quê hương, điển hình như cụ Nguyễn Công Thập là lão du kích xã Thượng Quan đã hơn 60 tuổi. Cụ được phân công canh gác thì bất ngờ địch ập vào, chúng định bắt cụ để giữ bí mật và khai thác thông tin, cụ Thập cố gắng chiến đấu vật lộn với tên địch, sau đó dũng cảm lăn xuống dốc, chạy thoát báo cho du kích và nhân dân kịp thời tránh mũi tiến

1. Sau khi đồng chí Nông Công Thịnh hi sinh, đồng chí Giang Thắng (Hoàng Văn Páo) khu Thị Xuân (nay thuộc xã Thuần Mang) được cử giữ chức vụ Bí thư Chi bộ.

công của địch[1], tấm gương tiêu biểu của cụ Nguyễn Công Thập vang dội khắp trong nhân dân Thượng Quan, cổ vũ tinh thần và khí thế chống quân xâm lược. Tiếp đó, vào cuối tháng 8/1948 địch lại tổ chức đợt càn vào Thượng Quan, qua Nà Kéo đến bản Cò Luồng, chúng lùng sục cướp bóc vơ vét cướp của đốt nhà, đốt chuồng trâu, trước hành động của địch ông Công Tạo là du kích đã một mình dùng súng bắn vào đám địch đang đốt chuồng trâu làm cho chúng hoảng loạn tháo chạy theo hướng Thuần Mang. Nhìn chung Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã phải phân tán tránh mũi tiến công của địch, nhưng lực lượng cơ bản được bảo toàn, quân địch cũng chỉ càn quét cướp phá chứ không dám đóng đồn kiểm soát.

Không khuất phục được nhân dân ta bằng vũ lực, địch sử dụng thủ đoạn nham hiểm mua chuộc, lôi kéo. Chúng tung ra luận điệu "đánh Tày lấy ruộng", lập lại địa bạ chia ruộng để chia rẽ đồng bào Tày - Dao. Tuy nhiên, khác với trước năm 1945, nhân dân đã được khơi dậy tinh thần đoàn kết yêu nước, do vậy các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù đều thất bại.

Năm 1948 là năm phong trào cách mạng ở Thượng Quan nói riêng và Ngân Sơn nói chung đầy hi sinh gian khổ. Do vậy, công tác lãnh đạo phát triển kinh tế - văn hóa ở Thượng Quan gặp rất nhiều khó khăn. Về văn hóa - giáo dục, tỷ lệ tái mù chữ trong nhân dân tăng cao chiếm đến gần 1/3 số người đã thoát mù chữ trong năm 1946. Về sản

1. Ngân Sơn Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), tr.94.

xuất, tỷ lệ bỏ hoang ruộng đất chiếm đến gần 40%, một số diện tích cấy được nhưng bị địch tàn phá trong các đợt càn quét, sản xuất lương thực năm 1948 chỉ bằng khoảng 2/3 so với năm 1946, đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Do vậy, Tỉnh ủy Bắc Kạn chỉ đạo tiến hành vận tải một số lượng lương thực từ huyện Na Rì (vùng tự do) sang để giúp đỡ phong trào cách mạng ở Ngân Sơn và hỗ trợ cho các đơn vị bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn huyện. Tuyến vận tải lương thực chính đi qua ngả đường Thượng Quan. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ Thượng Quan đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng dân quân xã tham gia tổ chức vận tải và bảo vệ lương thực, kịp thời chi viện cho phong trào cách mạng của huyện. Trong khó khăn gian khổ chiến tranh, tấm lòng sắt son với cách mạng của cán bộ và nhân dân Thượng Quan càng được thể hiện sáng ngời. Dù đời sống khó khăn, cuối năm 1948, chị em phụ nữ Thượng Quan cũng tích cực tham gia phong trào "Mùa đông binh sĩ" và "Hũ gạo nuôi quân" ủng hộ hàng trăm kg gạo cho các đơn vị bộ đội. Trong các trận đánh bao vây đồn Bằng Khẩu, Ngân Sơn, Nà Phặc, Chi bộ Thượng Quan luôn động viên được hàng chục người, trong đó có những người đã trên 50 tuổi tham gia dân công, ủng hộ lương thực, thực phẩm cho bộ đội chiến đấu.

Sau những thất bại nặng nề trong năm 1948, đầu năm 1949, quân Pháp ở Ngân Sơn buộc phải co cụm tại các đồn, hạn chế các hoạt động càn quét lớn ra địa bàn các xã. Đầu năm 1949, số đồng bào Thượng Quan đi sơ tán trở về địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân

Thượng Quan đẩy mạnh tăng gia sản xuất các loại hoa màu. Thượng Quan cùng với Hương Nê là 2 xã của huyện hoàn thành việc cấy hết diện tích.

Trước bước phát triển của phong trào cách mạng ở Thượng Quan, tháng 5/1949, địch tổ chức càn quét vào vùng Thượng Quan, chúng dồn bắt hơn 100 đồng bào. Lực lượng du kích xã tổ chức phục kích địch tại Khuôn Pì, diệt được 1 số tên, thu 1 trung liên và giải thoát cho số đồng bào bị địch bắt.

Thất bại nặng nề trên khắp mặt trận Quốc lộ 3 đặt các lực lượng quân Pháp chiếm đóng đường 3 trong thế bị bao vây tiêu diệt. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ quyết định rút toàn bộ lực lượng tại Bắc Kạn. Tại Ngân Sơn, đến ngày 15/8/1949, quân Pháp tại Bằng Khẩu, Ngân Sơn và Nà Phặc đã rút chạy. Ngày 19/8/1949, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện, nhân dân Thượng Quan và nhân dân các xã thuộc huyện Ngân Sơn tổ chức lễ mít tinh chào mừng 4 năm Cách mạng tháng Tám thành công và thắng lợi giải phóng hoàn toàn tỉnh Bắc Kạn và huyện Ngân Sơn.

3. Khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng hậu phương vững mạnh, tích cực đóng góp sức người sức của đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1949-1954)

Ngay sau khi thực dân Pháp bắt đầu rút quân khỏi Bắc Kạn, ngày 10/8/1949, Tỉnh ủy Bắc Kạn ban hành Chỉ thị số 46/TU-BK "Về việc Đảng bộ Bắc Kạn phải gấp rút làm ngay sau khi địch đã rút khỏi thị xã Bắc Kạn" chỉ thị Đảng bộ các cấp gấp rút củng cố tổ chức Đảng, chính

quyền và quần chúng; tuyên truyền, động viên nhân dân bán thóc cho Chính phủ; nâng cao cảnh giác đề phòng bọn Việt gian, phản động; động viên nhân dân tăng gia sản xuất.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, quân và dân Thượng Quan nhanh chóng tập trung vào nhiệm vụ khôi phục kinh tế - xã hội. Phong trào tương thân, tương ái được phát triển mạnh mẽ, các hộ gia đình khá giả được chính quyền vận động cho gia đình nghèo mượn trâu cày, mượn ruộng với mức tô thấp. Nhờ đó, trong năm 1950, sản xuất đã vượt mức năm 1946, toàn xã Thượng Quan thu được 270 tấn thóc, ngô, ủng hộ cho kháng chiến được hơn 10 tấn. Về văn hóa - giáo dục, Chi bộ chỉ đạo tái lập Ban Bình dân học vụ do đồng chí Ma Văn Tông làm trưởng ban, tổ chức lập các lớp bình dân học vụ cho đối tượng tái mù chữ và mở lớp điểm tại các bản vùng thấp.

Năm 1949, cách mạng Trung Quốc ngày càng đến gần ngày thắng lợi, chế độ phản động Tưởng Giới Thạch đứng trước nguy cơ sụp đổ. Cuối năm 1949, 13.000 tàn quân Tưởng tràn xuống Cao Bằng. Huyện ủy Ngân Sơn nhận định, rất có khả năng tàn quân Tưởng có thể đánh đến Ngân Sơn, phối hợp với quân Pháp chia sẻ lợi ích ở Việt Nam. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ Thượng Quan tập trung vào công tác củng cố lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu. Về quân sự, lực lượng dân quân, du kích xã được củng cố lên trên 70 đồng chí, được trang bị thêm một số vũ khí, duy trì chế độ trực chiến thường xuyên. Về an ninh, Chi bộ chỉ đạo lực lượng an

ninh xã tiến hành rà soát, nắm chắc các đối tượng có mối liên hệ phức tạp.

Hệ thống tổ chức Chi bộ và chính quyền xã tiếp tục được củng cố. Trong năm 1949, Chi bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện bầu cử Hội đồng nhân dân khóa II, kiện toàn lại Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Về xây dựng Đảng, chỉ riêng năm 1949 toàn Chi bộ kết nạp mới được 6 đảng viên nâng Đảng số lên 12 đồng chí.

Quý I năm 1950, Tỉnh ủy phát động "Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất" tập trung sửa chữa Quốc lộ số 3, hàng trăm thanh niên Ngân Sơn, trong đó có hàng chục thanh niên của Thượng Quan đã tích cực tham gia sửa chữa, góp phần thông xe toàn bộ đường Quốc lộ số 3 vào tháng 4/1950. Tháng 6/1950, Trung ương quyết định mở chiến dịch Biên giới, nhiệm vụ hàng đầu của quân và dân Ngân Sơn lúc này là tích cực đóng góp sức người sức của, đảm bảo giao thông, hậu cần cho bộ đội chủ lực hành quân lên biên giới. Trong tháng 7/1950, xã Thượng Quan đã cử 20 thanh niên tham gia Liên đội thanh niên xung phong 202 của huyện và thành lập thêm 1 đội dân công 30 người tham gia vận tải vũ khí, lương thực cho bộ đội. Đặc biệt, chỉ trong 10 ngày tháng 8/1950, thanh niên xung phong và dân công xã Thượng Quan cùng các xã trong huyện đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sửa tuyến đường Vi Hương - Hương Nê dài 9,6km[1]. Giai đoạn 1951-1952

1. Tháng 10/1950, xã Thượng Quan còn cử hơn 50 dân công cùng quân dân các huyện Ngân Sơn, Na Rì, Ba Bể tham gia sửa tuyến đường Bành Trạch - Nà Phặc.

xã Thượng Quan cử các đồng chí: Hoàng Gia Toản, Đinh Quang Dương, Nông Quốc Phòng, Hoàng Văn Bào tham gia liên phân đội thanh niên xung phong tham gia phục vụ chiến đấu

Tháng 9/1950, bộ đội ta nổ súng tiến công và tiêu diệt toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch trên tuyến đường số 4 biên giới Việt - Trung. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới cổ vũ mạnh mẽ tinh thần thi đua quyết thắng của nhân dân cả nước, đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới.

Tháng 2/1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi "Đảng Lao động Việt Nam". Tại xã Thượng Quan, Chi bộ đã tổ chức tốt buổi lễ ra mắt Chi bộ Thượng Quan trước đông đảo quần chúng nhân dân. Sau buổi lễ ra mắt hoạt động công khai, Chi bộ chỉ đạo tăng cường tổ chức các đoàn thể: Năm 1952 Chi đoàn Thanh niên Lao động xã Thượng Quan thành lập với 15 đoàn viên là lực lượng xung kích là cánh tay phải đắc lực của Chi bộ trong công tác lãnh đạo các phong trào cách mạng.

Giai đoạn 1951-1953, phong trào cách mạng ở xã Thượng Quan bắt đầu có những diễn biến phức tạp, đi xuống. Năm 1951, Chi bộ Thượng Quan lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách thu thuế nông nghiệp. Kết quả, năm 1951 được 45.784kg, phụ thu đạt 9.151kg; thuế nông nghiệp năm 1952 được 82.944kg, phụ thu 14.957kg[1] chỉ

1. Tình hình mọi mặt 6 tháng đầu năm 1953 của Ban Chấp hành Huyện ủy Ngân Sơn.

đạt 60-70% chỉ tiêu giao. Năm 1952, xã không tổ chức họp nghiêm túc Ban Thu thuế, triệu tập 34 cán bộ Đảng và các ngành chỉ có 12 người đến họp, 1 cán bộ Ủy ban biển thủ tiền thuế, bất mãn không chịu làm việc. Ban Thu thuế xã tự ý hạ tiêu chuẩn, đánh giá không đúng 1 số diện tích gây bất mãn trong nhân dân. Hạn chế trong công tác thu thuế nông nghiệp dẫn đến những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1952, xã Thượng Quan là xã có nhiều ruộng bỏ hoang nhất huyện với diện tích 134 bung ruộng[1]. Chi bộ tiến hành vận động nhân dân thành lập tổ đổi công, kết quả, toàn xã thành lập được một số tổ đổi công ở Nà Kéo, Cò Luồng, Ma Nòn nhưng hoạt động kém hiệu quả.

Về công tác quân sự, kể từ năm 1949, địa bàn xã Thượng Quan ít có nguy cơ bị tiến công bằng bộ binh song tiếp tục trong tầm bắn phá của không quân địch. Chi bộ đã lãnh đạo Ban Xã đội tập trung làm tốt công tác cảnh giới phòng không, vận động nhân dân tránh tụ tập đông người, không đốt lửa ban đêm tránh máy bay địch trinh sát. Năm 1952, thực hiện sự Chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ chỉ đạo củng cố Ban Chỉ huy xã đội và lực lượng dân quân xã phù hợp với tình hình mới, toàn xã lúc này có 1 tiểu đội du kích 15 người, 3 trung đội dân quân. Ban Chỉ huy có 1 xã đội trưởng, 1 chính trị viên, 3 xã đội phó (1 phụ trách dân quân, 1 phụ trách du kích, 1 phụ trách khu vực người Dao). Lực lượng dân quân, dân công xã cũng tích cực tham gia các hoạt động khôi phục cầu đường, phục vụ

1. Báo cáo tình hình mọi mặt trong 3 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.

chiến dịch. Riêng 3 tháng đầu năm 1953 huy động được 3 đợt với 87 dân công tham gia[1], dẫn đầu và chiếm 30% lực lượng dân công toàn huyện (278 người).

Trong công tác vận động thanh niên nhập ngũ, Chi bộ, Ban Xã đội có nhiều cố gắng nhưng chất lượng giao quân thấp, tỷ lệ đào ngũ cao. Trong năm 1952 xã Thượng Quan được giao chỉ tiêu tuyển 20 tân binh, kết quả, tuyển được 17 tân binh, tuy vậy, có 5 tân binh đào ngũ[2]. Trong 6 tháng đầu năm 1953, xã Thượng Quan giao 18 tân binh, 7 đào ngũ.

Nguyên nhân yếu kém trong công tác sản xuất, đóng góp kháng chiến của địa phương chủ yếu bắt nguồn từ sự yếu kém trong hệ thống chính trị. Quá trình tổ chức kết nạp Đảng những năm 1949-1951 lỏng lẻo dẫn đến trong Chi bộ có nhiều đảng viên thiếu nghiêm túc, gương mẫu. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, tháng 1/1953, Chi bộ tổ chức kiểm thảo nhưng "Chỉ kiểm thảo được nhiệm vụ chung, còn cá nhân tự tư tự lợi không nhận lỗi, chưa đặt vấn đề kỷ luật nghiêm khắc với mình"[3]. Trong 6 tháng đầu năm 1953, Chi bộ không sinh hoạt. Hiện tượng tha hóa đạo đức, coi thường kỷ luật, trốn tránh nhiệm vụ xuất hiện tràn lan. Huyện ủy chỉ đạo Chi bộ cử 1 đồng chí đảng viên tham gia quân đội, nhưng Chi bộ không cử

1 Báo cáo tình hình mọi mặt trong 3 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.

2. Báo cáo tình hình mọi mặt trong 3 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.

3. Báo cáo tình hình mọi mặt trong 3 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.

được ai, thậm chí còn trốn không tham gia đi dân công[1]. Đến cuối năm 1953, Chi bộ vẫn bị đánh giá là 1 trong những chi bộ yếu của huyện, nhiều đảng viên lơ là trách nhiệm. Huyện ủy nghiêm khắc kiểm điểm đồng chí Bí thư Chi bộ và 1 đồng chí Chi ủy viên, trong đó kỷ luật giáng chức Bí thư Chi bộ xuống còn Chi ủy viên[2]. Sau đó, Huyện ủy chỉ định đồng chí Triệu Văn Nhì giữ chức vụ Bí thư Chi bộ. Đồng thời, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện cảnh cáo Ủy ban kháng chiến hành chính và Hội đồng nhân dân xã [3]. Từ cuối năm 1952 đầu năm 1953 Huyện ủy chỉ đạo chấn chỉnh hoạt động các đoàn thể, tiêu biểu là Hội Phụ nữ xã, đến tháng 5/1953 bắt đầu chấn chỉnh lại tổ chức của Nông hội.

Trải qua hơn 7 năm thực hiện mô hình liên xã gặp nhiều khó khăn, đồng thời để chuẩn bị cho công tác phát động giảm tô, tháng 12/1953, xã Thượng Quan được chia làm 2 xã: Thượng Quan và Thuần Mang. Xã Thượng Quan lúc này có 10 bản, dân số có hơn 800 nhân khẩu. Hệ thống chính trị địa phương nhanh chóng được kiện toàn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Về Đảng: Chi bộ Thượng Quan sau khi chia tách có 14 đồng chí do đồng chí Triệu Văn Nhì giữ chức vụ Bí thư Chi bộ. Về chính quyền: đồng chí Nông Văn Tôn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính. Mặt trận Liên

1. Báo cáo tình hình mọi mặt trong 3 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.
2. Báo cáo tình hình mọi mặt năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.
3. Báo cáo tình hình mọi mặt 6 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn.

Việt và các đoàn thể Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, Nông hội nhanh chóng hoàn thiện cơ cấu tổ chức.

Bước sang năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta gần đến ngày thắng lợi. Cùng với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, cán bộ và nhân dân xã Thượng Quan chung sức đồng lòng hướng về mặt trận Điện Biên Phủ, nhiều thanh niên, dân công của xã được điều động tham gia cùng các đoàn dân công của tỉnh mở đường, vận chuyển lương thực phục vụ cho mặt trận. Tháng 3/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu, ngày 7/5/1954, tập đoàn Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơnevơ, cuộc kháng chiến của nhân dân ta kết thúc thắng lợi.

* *

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta trải qua bao gian khổ nhưng cuối cùng giành thắng lợi vẻ vang. Suốt thời gian đó, nhân dân Thượng Quan đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung.

Từ sau Cách mạng Tháng 8/1945 đến tháng 12/1946 là thời kỳ củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị điều kiện để bước vào một cuộc kháng chiến trường kỳ. Thời kỳ từ năm 1947 đến năm 1949, quân và dân xã Thượng Quan cùng quân và dân huyện Ngân Sơn anh dũng đánh bại các cuộc tiến công, càn quét của kẻ thù. Từ tháng 8/1949 đến tháng 7/1954 là thời kỳ nhân dân toàn xã ra sức xây dựng hậu phương, đóng góp sức người, sức của vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tuy vậy, giai đoạn 1951 trở đi, phong trào cách mạng địa phương diễn biến phức tạp, hệ thống chính trị yếu kém, mất sức chiến đấu, ảnh hưởng đến thành tích chung của địa phương. Đây là bài học kinh nghiệm đắt giá đối với Chi bộ và nhân dân Thượng Quan trước khi bước vào thời kỳ mới: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương III

CHI BỘ THƯỢNG QUAN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. MƯỜI NĂM ĐẦU HÒA BÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp (1954-1960)

Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi (ngày 7/5/1954) đã kết thúc 9 năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta. Sau kết quả của Hội nghị Giơnevơ, nước ta tạm thời chia làm 2 miền với 2 nhiệm vụ cách mạng khác nhau: Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tạm thời nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ, đấu tranh thống nhất đất nước.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng mới, Chi bộ và nhân dân Thượng Quan có những thuận lợi cơ bản: nhân dân tin tưởng vào chế độ, phấn khởi thi đua sản xuất; Chi bộ và chính quyền sau củng cố năm 1953 có những

chuyển biến nhất định; một số đồng chí bộ đội là con em của nhân dân Thượng Quan được giải ngũ trở về quê hương góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ và lực lượng sản xuất. Tuy vậy, phong trào cách mạng ở Thượng Quan tiếp tục gặp phải một số khó khăn: tình trạng lạc hậu về kinh tế, thiếu thốn cơ sở vật chất phục vụ sản xuất; hạn chế trong nhận thức (nhất là tình trạng mù chữ), tác phong làm việc của một số cán bộ. Những hạn chế kể trên là tình trạng chung của các địa phương trên toàn miền Bắc, đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền phải nhận thức đầy đủ, có biện pháp thiết thực thúc đẩy phong trào cách mạng các địa phương.

Xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ thực tế vùng Đông Bắc, Chính phủ đã quyết định thành lập Khu tự trị Việt Bắc "*để làm cho các dân tộc anh em trong toàn Khu cùng nhau tự quản lý công việc, phát huy khả năng của mình, tiến bộ mau chóng về mọi mặt: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội*"[1]. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và cuộc vận động chính trị tư tưởng hưởng ứng chủ trương thành lập khu tự trị của Tỉnh ủy, Huyện ủy Ngân Sơn. Chi bộ Thượng Quan đã tích cực tổ chức cho cán bộ và nhân dân tham gia học tập, nhận thức đúng bản chất, ý nghĩa của việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc.

Trong 2 năm (1954-1955), nhiệm vụ cấp bách của cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Thượng Quan là: khôi phục sản xuất nông nghiệp, thực hiện cải cách ruộng đất,

1. Hồ Chí Minh, Thư gửi đồng bào Khu tự trị Việt Bắc (10/8/1956).

ổn định đời sống nhân dân, phát triển văn hóa - xã hội, giữ gìn an ninh - chính trị, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền.

Từ cuối năm 1954, xã Thượng Quan xảy ra nạn đói. Thời điểm này, toàn huyện Ngân Sơn đều diễn ra nạn đói, do vậy, nguồn cứu trợ của huyện rất khó khăn, trong khi đó, một số gia đình khá giả đầu cơ, tích trữ lương thực không bán. Chi bộ và chính quyền xã phải tiến hành vận động mua được hơn 3 tấn của các gia đình nhà giàu để cứu đói.

Đầu năm 1955, công cuộc cải cách ruộng đất được triển khai mạnh mẽ trên toàn miền Bắc. Tại Thượng Quan lúc này, cấp trên tổ chức đội cải cách về xã hoạt động. Đội cải cách tuy không giải tán và đình chỉ hoạt động của Chi bộ và chính quyền, song không dựa vào Chi bộ và chính quyền xã mà chủ động "xâu chuỗi, bắt rễ", tổ chức tố khổ và đấu tố địa chủ. Tháng 3/1955, đội tổ chức đấu tố địa chủ Cao Sinh Phát (Châu đoàn Ngân Sơn cũ ở Nà Kéo) tại Cò Luồng. Tòa án nhân dân quyết định tử hình, tịch thu toàn bộ tài sản của ông Cao Sinh Phát.

Cuộc cải cách ruộng đất năm 1955 diễn ra vào đúng thời điểm sản xuất đang gặp nhiều khó khăn, tâm lý một số cán bộ, đảng viên và nhân dân sau cải cách ruộng đất bất ổn. Tháng 5/1955 toàn huyện hạn hán nặng, một số trung nông cho rằng sản xuất không hiệu quả mà vẫn phải đóng thuế, canh tác nhiều dễ bị quy làm địa chủ, do vậy toàn xã bỏ hoang đến 200 bung ruộng.

Trước tình hình đó, Huyện ủy chỉ đạo Chi bộ, chính quyền các xã đẩy mạnh công tác vận động nhân dân sản

xuất tập trung với hai biện pháp cơ bản: tuyên truyền, làm rõ chính sách thuế nông nghiệp và chính sách hỗ trợ, miễn giảm thuế của Nhà nước; củng cố hoạt động của các tổ đổi công; tổ chức phát động phong trào thi đua lao động sản xuất với nội dung cụ thể là chỉ tiêu lao động giữa các bản, các tổ đổi công. Tuy vậy, kết quả sản xuất vụ mùa năm 1955 vẫn hạn chế, phong trào thi đua lao động sản xuất được phát động, nhưng nhiều đảng viên thiếu gương mẫu, Chi bộ không kiểm tra sát sao nên phong trào thi đua kém hiệu quả. Trừ tổ Ma Nòn hoạt động tốt còn lại các tổ đổi công hoạt động yếu, tâm lý cục bộ phát triển, nguy hiểm hơn, nhận thức một số hộ gia đình chệch hướng, cho rằng lúa mất mùa là do thần thánh nên giết trâu, bò, lợn cúng bái linh đình. Vụ mùa năm 1955 gặp phải nạn sâu bệnh, toàn xã đã huy động trên 500 ngày công bắt sâu xong tỷ lệ thiệt hại vẫn lên đến gần 30%, đời sống nhân dân tiếp tục khó khăn, nặng nhất là tại thôn Ma Nòn có đến hơn 30 hộ bị đói.

Tháng 9/1955, Tỉnh cử cán bộ chống đói của huyện xuống các xã (trong đó có Thượng Quan) để vận động và hướng dẫn nhân dân sản xuất chống đói. Đồng thời tổ chức cấp phát cho 1 số gia đình thiếu rách theo định mức vải từ 8-10 m^2/hộ, các gia đình đặc biệt khó khăn được cấp phát thêm áo trấn thủ, chăn, chiếu. Đội công tác huyện phối hợp cùng Chi bộ, chính quyền xã lãnh đạo nhân dân sửa chữa được hơn 40 mương phai, vận động các hộ gia đình điều hòa 1 số trâu cày cho gia đình không có. Nhờ đó, đến cuối năm 1955, nạn đói cơ bản được hạn chế, tâm lý nhân dân đi vào ổn định.

Năm 1956, Chi bộ xã Thượng Quan tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1956-1957. Đại hội đề ra nghị quyết tập trung công tác ổn định sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời phấn đấu củng cố hệ thống tổ chức Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể. Đại hội bầu đồng chí Triệu Văn Nhì giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, phân công đồng chí Nông Văn Tôn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Bước sang năm 1956, tình hình sản xuất có bước cải tiến, nhân dân đã chủ động hơn trong sản xuất. Bên cạnh việc cấy hơn 600 bung lúa, Chi bộ lãnh đạo chính quyền tổ chức cho nhân dân tiến hành trồng hơn 500kg giống lúa mỳ[1] và hơn 100 bung đỗ tương. Tuy vậy sản xuất gặp phải mưa nhiều, kỹ thuật canh tác thấp và đàn lợn rừng phá hoại sản xuất, Ủy ban hành chính xã phải chỉ đạo Ban Xã đội thành lập tổ săn bắn lợn rừng. Nhìn chung, sản xuất năm 1956 tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng đời sống nhân dân đã phần nào bớt khó khăn.

Hai năm 1955-1956 tiếp tục là thời gian thử thách với Chi bộ Thượng Quan trong công tác lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang. Chi bộ bị đánh giá yếu kém, nhiều đồng chí đảng viên thiếu gương mẫu, Ủy ban hành chính lề lối làm việc thiếu nghiêm túc, Đoàn Thanh niên xã không hoạt động. Lực lượng dân quân xã Thượng Quan lúc này có 31 người nhưng chất lượng kém, có 6 người chây lười, thường xuyên thoái thác nhiệm vụ. Về trật tự an toàn xã hội, xã có 5 người nghiện

1. Tuy vậy, năng suất lúa mì thấp, chỉ đạt 12kg sản phẩm/1kg giống nên từ năm 1957, xã không trồng lúa mì nữa.

hút, tệ nạn đánh bạc và lãng phí tương đối phổ biến, hoạt động bình dân học vụ gần như không triển khai được.

Sự yếu kém trong hệ thống chính trị và các phong trào thi đua của xã Thượng Quan 2 năm 1955-1956 là hệ quả kéo dài từ những yếu kém tồn tại trong Chi bộ - chính quyền xã từ những năm 1952-1953, đồng thời cũng là một phần hệ quả trực tiếp về những hạn chế trong cải cách ruộng đất. Hội nghị Trung ương 10 khóa II tháng 9/1956 đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế trong cải cách ruộng đất và đề ra phương hướng sửa sai cho các cấp bộ Đảng trên cả nước. Từ ngày 20-25/11/1956, Huyện ủy Ngân Sơn tổ chức học tập chính sách sửa sai, thành phần học tập gồm cấp ủy các Chi bộ. Trên cơ sở đó, từ ngày 29/11-1/12/1956, Chi bộ Thượng Quan tổ chức triển khai học tập sửa sai. Tuy nhiên, đợt học tập sửa sai không thành công do nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng sợ bị trả thù, không chịu tham gia học tập. Trước tình hình đó, Huyện ủy tổ chức đưa tổ công tác của huyện cùng Chi bộ làm công tác ổn định tư tưởng, đến cuối tháng 01/1957, công tác học tập cơ bản xong. Xã Thượng Quan tiến hành sửa sai, trả lại tài sản cho các hộ gia đình bị tịch thu trong cải cách ruộng đất. Đồng thời với công tác sửa sai, tổ công tác của Huyện ủy cũng tiến hành chỉ đạo củng cố hoạt động của Chi bộ, chính quyền và đoàn thể, nêu cao kỷ luật nghiêm minh của Đảng, tinh thần, ý thức gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Thành công của công tác sửa sai và củng cố hệ thống chính trị năm 1957 góp phần ổn định tình hình địa phương,

giải tỏa được tâm lý cán bộ, đảng viên và nhân dân, thúc đẩy sản xuất. Năm 1958, Chi bộ xã Thượng Quan tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1958-1959. Đại hội đề ra nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh hoạt động sản xuất, chú trọng cải tiến kỹ thuật canh tác. Bên cạnh việc phát triển kinh tế, cần chú trọng phát triển văn hóa - giáo dục, tiếp tục ổn định tổ chức Đảng, chính quyền. Đại hội bầu Chi ủy nhiệm kỳ 1958-1959, bầu đồng chí Triệu Văn Nhì giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Công Hàn giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, từ cuối năm 1957 và đầu năm 1958, về cơ bản, xã Thượng Quan đã xóa được tình trạng bỏ hoang ruộng đất, nhân dân bước đầu áp dụng các kỹ thuật và giống lúa mới (lúa Nam Ninh), tình trạng đói cơ bản được đẩy lùi, chăn nuôi sau 2 năm suy giảm được phục hồi, đàn trâu bò có gần 800 con, đàn lợn có 400 con, gia cầm có trên 1.000 con. Hoạt động văn hóa xã hội có bước chuyển biến căn bản, tình trạng nghiện hút, cờ bạc, lãng phí bị đẩy lùi, ý thức đoàn kết của nhân dân được nâng cao, các tổ đổi công hoạt động hiệu quả. Về giáo dục, bên cạnh việc duy trì hoạt động bình dân học vụ, xóa mù chữ, lúc này xã Thượng Quan thành lập được hai điểm trường tiểu học tại Cò Luồng và Đông Van dạy đến lớp 3 do thầy giáo Trần Văn Cửu, thầy Đinh Hữu Bổng phụ trách, mỗi điểm trường có từ 20-30 học sinh và học ghép lớp.

Tháng 11/1958, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 (khóa II), đề ra nhiệm vụ của miền Bắc trong 3 năm (1958-1960): Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách

toàn diện về kinh tế và xã hội đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ; cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, trên cơ sở đó phát triển sản xuất, nâng cao thêm một bước đời sống của nhân dân, nhất là nhân dân lao động; tăng cường củng cố quốc phòng.

Đầu năm 1959, Huyện ủy Ngân Sơn chỉ đạo thành lập thí điểm hợp tác xã Bản Cầy[1]. Các Chi bộ trong toàn huyện thực hiện lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, đồng thời theo dõi chặt chẽ kinh nghiệm của Hợp tác xã Bản Cầy. Tình hình sản xuất nông nghiệp xã Thượng Quan năm 1959 tiếp tục có nhiều chuyển biến, các tổ đổi công hoạt động tốt, diện tích lúa Nam Ninh đạt 150 bung, năng suất bình quân đạt 1,8 tạ/bung, sản lượng thóc trên diện tích lúa mới đã đạt 27 tấn. Sản lượng đỗ tương đạt hơn 20 tấn, sản lượng hoa màu đạt 210 tấn. Chăn nuôi tiếp tục phát triển mạnh, toàn xã nộp cho huyện được hơn 50 con trâu để chuyển về đồng bằng. Thành tích tốt trong công tác sản xuất là cơ sở để Chi bộ, chính quyền xã Thượng Quan thực hiện vận động nhân dân xây dựng hợp tác xã, đưa địa phương vào con đường làm ăn xã hội chủ nghĩa.

Ngày 25/8/1959, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 156-CT/TW "Về việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách ở miền núi phía Bắc nước ta"[2]. Tháng 11/1959, Chỉ thị 156-CT/TW được Huyện ủy

1. Nay thuộc thị trấn Nà Phặc.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 682.

Ngân Sơn quán triệt chặt chẽ, chỉ đạo các Chi bộ trong toàn huyện triển khai xây dựng hợp tác xã.

Quán triệt đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Trung ương, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, năm 1960, Chi bộ Thượng Quan tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1960-1961. Đại hội dành phần lớn thời gian thảo luận các phương án thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, đề ra các chỉ tiêu cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và củng cố tổ chức Đảng làm cơ sở thúc đẩy các phong trào địa phương.

Đại hội bầu Chi ủy Chi bộ nhiệm kỳ 1960-1961, Ban Chấp hành bầu đồng chí Ngô Ngọc Lụng giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Công Hàn giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Thực hiện Nghị quyết Chi bộ, trong năm 1960, Chi bộ chỉ đạo triển khai vận động nhân dân thực hiện xây dựng hợp tác xã. Kết quả, đến cuối năm 1960, toàn xã đã xây dựng được 4 hợp tác xã Nà Kéo, Cò Luồng, Pù Áng, Khuôn Pì với tổng số hơn 100 hộ tham gia. Các thôn vùng cao chưa thành lập được hợp tác xã.

Song song với công tác vận động thành lập hợp tác xã, Chi bộ chính quyền xã chỉ đạo các điểm trường cấp I và Ban Bình dân học vụ đẩy mạnh hoạt động, bình quân mỗi năm xóa mù chữ cho 10-15 người, riêng với đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác quản lý, đến năm 1960 đã hoàn thành xóa mù chữ 100%.

Lực lượng dân quân được củng cố bảo đảm giữ gìn trị an để nhân dân yên tâm sản xuất. Thực hiện chủ trương của

Trung ương Đảng, Nghị quyết kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa I về củng cố quốc phòng - an ninh, Sắc lệnh số 11/SL ngày 28-4-1960 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về công bố Luật Nghĩa vụ quân sự, năm 1960, xã Thượng Quan tổ chức đợt tuyển quân đầu tiên thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, có 3 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Trong công tác xây dựng Đảng, từ cuối năm 1959, thực hiện Chỉ thị số 169-CT/TW ngày 6/11/1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển Đảng viên lớp 6/1 để lấy thành tích chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, công tác phát triển Đảng trên địa bàn đạt kết quả tốt. Đến năm 1960, Chi bộ lúc này có hơn 20 đảng viên, tỷ lệ đảng viên đạt hơn 2% dân số, tuy số đảng viên ý thức kém vẫn còn từ 2-3 đồng chí, song đã có bước chuyển biến căn bản so với các năm trước.

Qua 6 năm khôi phục kinh tế và cải tạo quan hệ sản xuất (1954-1960), cán bộ, nhân dân Thượng Quan đạt được những thành tựu quan trọng về mọi mặt: hợp tác xã nông nghiệp được thành lập góp phần thúc đẩy và phát triển kinh tế, quan hệ sản xuất mới dần được hình thành; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế ngày được nâng cao về chất lượng. Tuy tình trạng yếu kém kéo dài song Chi bộ, chính quyền, công an, xã đội, mặt trận và các đoàn thể quần chúng từng bước được củng cố, ngày càng phát huy tốt vai trò, chức năng của mình. Đó là những tiền đề cơ bản để Chi bộ và nhân dân Thượng Quan tiến tới thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức tại Hà Nội, đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Đại hội cụ thể hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc bằng kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965): Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Thượng Quan gặp nhiều khó khăn: đường giao thông đến trung tâm huyện, các xã lân cận và các thôn chưa thuận lợi, hầu hết là đường mòn; đời sống nhân dân còn nghèo, sản xuất tự cung, tự cấp, phụ thuộc vào thiên nhiên, năng suất lao động thấp; phong tục, tập quán còn lạc hậu, tỷ lệ dân số mù chữ và tái mù chữ còn cao (chiếm khoảng hơn 50%); trình độ văn hóa và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chung.

Năm 1962, Chi bộ xã Thượng Quan tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1962-1963; năm 1964, Chi bộ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1964-1965. Trong hai kỳ Đại hội, Chi

bộ ban hành các nghị quyết quan trọng về phát triển kinh tế, trong đó nhấn mạnh đến việc củng cố hoạt động và mở rộng quy mô của hợp tác xã, coi hợp tác xã là nền tảng, động lực phát triển kinh tế địa phương. Bên cạnh đó, trong xây dựng Nghị quyết Đại hội, Chi bộ chú trọng đến đảm bảo an ninh trật tự, an ninh chính trị địa phương và công tác xây dựng, ổn định hệ thống chính trị.

Hai kỳ đại hội Chi bộ 1962 và 1964 hoàn thành tốt nội dung bầu Chi ủy. Trong hai kỳ đại hội, đồng chí Ngô Ngọc Lụng được bầu giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Công Hàn được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Năm 1961 là năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tinh thần lao động sản xuất của nhân dân được nâng cao. Năng suất lúa Nam Ninh và Bạch Mao đạt bình quân 256 kg/bung, diện tích khoảng hơn 200 bung. Từ năm 1961, xã triển khai cấy lúa chiêm với diện tích khoảng 10 bung, năng suất đạt bình quân khoảng 210 kg/bung. Các cây hoa màu khác được đẩy mạnh, ngô giống cấy được hơn 2.000 ống, khoai sọ hơn 50.000 gốc, sắn hơn 70.000 gốc, khoai lang trên 1.000 gốc, thuốc lá 7.000 gốc.

Năng suất lúa nhìn chung không đạt chỉ tiêu đề ra, nguyên nhân do nhân dân chưa áp dụng đúng yêu cầu kỹ thuật[1]. Trước tình hình đó, năm 1962, Chi bộ chỉ đạo các hợp tác xã hướng dẫn xã viên thực hiện ủ phân, và khai thác phân xanh (bèo) ở Cò Luồng. Tuy vậy tình trạng

1. Yêu cầu bón khoảng 38 gánh/bung, nhưng chỉ đạt được từ 25-30 gánh. Kỹ thuật cấy chuẩn là 20cm nhưng hầu hết đều lên đến 30cm

thiếu nước và dịch bệnh diễn biến phức tạp, nên sản xuất năm 1962 sụt giảm hơn 10% so với năm 1961. Khó khăn trong sản xuất năm 1962 ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, tinh thần của cán bộ và xã viên, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu nhiệm vụ phải quan tâm đến phát triển thủy lợi và cải tiến hoạt động và công tác quản lý của các hợp tác xã. Thực hiện sự chỉ đạo của Chi bộ, trong 2 năm 1963-1964, các hợp tác xã huy động được hơn 2.000 ngày công, sửa chữa được hàng chục mương, phai, cọn, giải quyết một phần yêu cầu tưới tiêu, đồng thời phối hợp cùng nhân dân các xã bạn hoàn thành con đường Thượng Quan - Ngân Sơn, đảm bảo sử dụng xe trâu kéo, phục vụ cho công tác vận chuyển vật tư nông nghiệp và giao nộp thóc thuế, nghĩa vụ. Nhằm động viên sức mạnh quần chúng trong sản xuất nông nghiệp, Chi bộ chỉ đạo các đoàn thể phát động phong trào thi đua sản xuất, điển hình như Đoàn Thanh niên xã phát động thi đua mỗi đoàn viên đảm nhiệm 2 gánh mạ.

Thành công của sản xuất nông nghiệp năm 1963 đã góp phần củng cố hoạt động của các hợp tác xã, Chi bộ chỉ đạo chuyển hợp tác xã Cò Luồng từ bậc thấp lên bậc cao, đồng thời chỉ đạo thành lập thêm hợp tác xã Ma Nòn, Nà Giảo, nâng tổng số hợp tác xã đến 1963 lên 6 đơn vị, số hộ gia đình tham gia đạt gần 130 hộ, chiếm trên 60% số hộ gia đình.

Về an ninh quốc phòng, năm 1961, huyện nhận định: xóm Slam Coóc là 1 trong 5 điểm của huyện có khả năng bị địch thả biệt kích đánh phá. Trên cơ sở đó, huyện chủ

trương thành lập 2 tổ cán bộ, thành phần gồm cán bộ huyện và xã vào Slam Coóc và Ma Nòn để xây dựng cơ sở chính trị, nội dung tập trung vào tuyên truyền đường lối chính sách, vận động sản xuất, vệ sinh phòng bệnh. Chi bộ cũng làm tốt công tác xây dựng lực lượng dân quân. Năm 1961, lực lượng dân quân toàn xã có 70 đồng chí, đến năm 1963 đã có hơn 100 đồng chí, trong đó dân quân loại 1 (chiếm 40% quân số) được tổ chức thành trung đội trực chiến và được đánh giá là 1 trong 2 trung đội dân quân vững mạnh toàn diện của huyện. Ban Công an xã do đồng chí Chi ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã làm trưởng ban. Ban Xã đội gồm 3 đồng chí: Xã đội trưởng, Chính trị viên và Xã đội phó.

Từ năm 1963, tình hình an ninh - quốc phòng có nhiều diễn biến phức tạp. Năm 1963, biệt kích địch nhảy dù xuống Bạch Thông; năm 1964, đế quốc Mỹ 2 lần sử dụng máy bay do thám bầu trời Ngân Sơn, rải truyền đơn xuống khu vực trung tâm huyện. Cán bộ, đảng viên Thượng Quan được Huyện ủy và Chi bộ tổ chức học tập nghị quyết của Bộ Chính trị, các chỉ thị, nghị quyết về công tác phòng, chống gián điệp, biệt kích, nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đề phòng mọi âm mưu phá hoại của địch. Lực lượng dân quân thường xuyên luyện tập, có kế hoạch tác chiến cụ thể, rèn luyện ý chí kiên cường và tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Địa bàn xã Thượng Quan được xác định là 1 trong 4 địa bàn trọng yếu của huyện, nên trong năm 1964, Huyện chỉ đạo báo động kiểm tra sẵn sàng chiến đấu tại Thượng Quan 3 lần[1], đều đạt kết quả tốt.

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập 2 (1954-1975), tr. 73.

Về công tác xây dựng Đảng, để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, Chi bộ thường xuyên chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên, tổ chức quán triệt, học tập đầy đủ nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Khu ủy và Huyện ủy đến 100% đảng viên. Thông qua học tập, trình độ lý luận, quan điểm lập trường, giai cấp của đảng viên được nâng lên đáp ứng yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới. Phong trào xây dựng chi bộ, tổ Đảng "Bốn tốt" do Trung ương phát động được Chi bộ triển khai mạnh mẽ.

Từ thành tích các phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác đoàn thể đã xuất hiện nhiều quần chúng tích cực, được thử thách, rèn luyện, xứng đáng đứng vào hàng ngũ của Đảng. Từ năm 1962-1965, toàn xã có gần 20 quần chúng được học lớp cảm tình Đảng, Chi bộ kết nạp được thêm 7 đảng viên mới. Tuy vậy, công tác chuyển Đảng chính thức chậm, thường xuyên bị Huyện ủy phê bình. Đến năm 1965, Chi bộ có 25 đảng viên, là Chi bộ có số lượng đảng viên lớn trong huyện, nhưng do địa bàn rộng, phân tán nên xã vẫn còn 8 thôn trắng đảng viên. Sinh hoạt Đảng tuy có nhiều cố gắng hơn giai đoạn trước song vẫn còn tồn tại hạn chế, tỷ lệ đảng viên khá thường từ 7-8 đồng chí, trung bình từ 14-16 đồng chí, yếu từ 2-3 đồng chí.

Cùng với xây dựng tổ chức Đảng, hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng xã được củng cố, kiện toàn. Năm 1963 cử tri xã Thượng Quan tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân xã và bầu đủ số lượng, thành phần đại biểu vào Hội đồng nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể làm tốt nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; đồng thời tuyên truyền, vận động đồng bào nêu cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu... Nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của thanh niên, Chi bộ và chính quyền quan tâm giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ, đào tạo lớp trẻ vững vàng về chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật để thực sự trở thành lực lượng xung kích trong sản xuất và xây dựng cuộc sống mới. Đoàn viên, thanh niên tích cực thực hiện "Đọc và làm theo sách báo", "Cải tiến kỹ thuật", "Làm phân xanh, chăm sóc lúa và hoa màu". Các cháu thiếu niên hăng hái tham gia phong trào "Nghìn việc tốt", "Học giỏi chăm ngoan". Hội Phụ nữ tiếp tục thực hiện phong trào thi đua "Năm tốt" do Trung ương Hội phát động. Ngoài việc đảm đương các công việc trong gia đình, vai trò xã hội của phụ nữ được khẳng định, nhiều phụ nữ tham gia công tác xã hội tại các cơ quan của xã. Hội Phụ nữ còn có nhiều cố gắng trong phong trào động viên và giúp đỡ chị em phát triển sản xuất và bài trừ các hủ tục lạc hậu.

Giữa lúc toàn Đảng, toàn dân miền Bắc đang nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", lấy cớ tiến hành cuộc chiến tranh ném bom bắn phá miền Bắc. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc gián đoạn, chuyển sang giai đoạn vừa sản xuất, vừa chiến đấu, chi viện cho nhân dân miền Nam kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước.

Vượt qua những khó khăn, thử thách để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự trị an, Chi bộ Đảng Thượng Quan lãnh đạo chính quyền và nhân dân thực hiện thành công kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh phát triển đi lên. Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng được củng cố, kiện toàn về tổ chức. Tuy vẫn còn một số tồn tại, nhưng về cơ bản xã hoàn thành được các chỉ tiêu cấp trên giao theo đúng kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Những thành quả mà Chi bộ và nhân dân xã Thượng Quan đạt được góp phần cùng quân dân miền Bắc tăng cường tiềm lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

II. VỪA SẢN XUẤT, VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1972)

1. Nhân dân Thượng Quan trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Đầu năm 1965, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị phá sản, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ", đưa quân chiến đấu đổ vào miền Nam. Đối với miền Bắc, ngày 7/02/1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn ra lệnh cho không quân Mỹ chính thức mở rộng đánh phá miền Bắc lần thứ nhất. Trong bối cảnh lịch sử mới, tháng 3/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 11 tại Hà Nội bàn về nhiệm vụ chiến lược cách mạng của cả nước. Nghị quyết của Hội nghị

nhấn mạnh: chuyển hướng xây dựng nền kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm sự chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa tăng cường lực lượng quốc phòng để đánh trả sự xâm phạm của hải quân và không quân Mỹ, sẵn sàng chiến đấu khi chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra phạm vi cả nước.

Trước cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Thái[1] về tăng cường công tác phòng không nhân dân, Chi bộ, chính quyền xã Thượng Quan huy động toàn dân đào hầm trú ẩn, phòng tránh bom, đạn địch, ít nhất mỗi hộ phải có một hầm chữ A. Chỉ trong một thời gian ngắn, toàn xã đào được hàng trăm hầm, hố cá nhân các loại ở khắp nơi, nhất là những nơi tập trung đông người như: trường học, trụ sở Ủy ban ... Cùng với việc đào hầm hào, cấp ủy, chính quyền xã Thượng Quan nhanh chóng lập phương án tổ chức sẵn sàng sơ tán nhân dân vào rừng; để lại lực lượng khỏe mạnh để sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu.

Ban Chỉ huy Xã đội được kiện toàn về tổ chức, lực lượng dân quân lên đến 110 đồng chí, chiếm 8,2% dân số, trang bị vũ khí chủ yếu là súng CKC, K44 và một số loại vũ khí khác. Những điểm trọng yếu được xây dựng thành nơi trực chiến. Các tổ dân quân luân phiên canh gác, duy trì trực 24/24 giờ nhằm phát hiện, thông báo kịp thời cho nhân dân phòng tránh máy bay Mỹ và sẵn sàng bắn máy bay Mỹ bay tầm thấp. Với tinh thần khẩn trương, chu đáo,

1. Năm 1965, tỉnh Bắc Thái được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn.

cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Thượng Quan vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ, năm 1966, Chi bộ tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1966-1967. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ: Hoàn thiện chuyển hướng mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu; phát triển kinh tế, tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam; củng cố lực lượng dân quân; hướng dẫn nhân dân sơ tán kịp thời khi có lệnh; tăng cường xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể vững mạnh. Đại hội bầu Chi ủy nhiệm kỳ 1966-1967, bầu đồng chí Ngô Ngọc Lụng giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Văn Mảo giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Tiếp đó, năm 1968, Chi bộ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1968-1969, Đại hội tiếp tục hoàn thiện nghị quyết lãnh đạo trong tình hình thời chiến, bầu Chi ủy Chi bộ nhiệm kỳ 1968-1969, bầu đồng chí Ngô Ngọc Lụng giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Văn Mảo giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Chi bộ Thượng Quan lãnh đạo nhân dân tích cực triển khai cuộc vận động cải tiến quản lý các hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng và thực hiện một số nội quy, quy chế về vận động tài sản, tài chính; kiện toàn tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc của Ban Quản trị. Thông qua cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã,

cải tiến kỹ thuật", quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp được củng cố, mở rộng.

Năm 1966, thực hiện cuộc vận động của Đảng và Chính phủ về xây dựng kinh tế mới ở các tỉnh vùng cao, 12 hộ của hai huyện Vũ Thư (tỉnh Thái Bình) lên Thượng Quan khai hoang. Chi bộ và nhân dân xã đã bố trí chỗ ở, hỗ trợ về lương thực trong những tháng đầu để ổn định cuộc sống[1]. Đồng bào lên xây dựng kinh tế mới được chính quyền xã bố trí tại khu vực thôn Khuôn Pì, Nà Giảo, Pù Áng, Cò Luồng góp phần tăng cường lực lượng lao động các hợp tác xã.

Nhờ phát huy tốt phong trào thi đua lao động sản xuất, trong 4 năm 1965-1968, tuy một bộ phận lực lượng lao động trẻ, khỏe ở địa phương tham gia quân đội, một số dân quân phải tiến hành trực chiến thường xuyên song do Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể làm tốt công tác phát động thi đua lao động, sản xuất cơ bản vẫn được giữ vững. Năng suất lúa bình quân đạt từ 19-20 tạ/ ha, năng suất ngô đạt bình quân 10 tạ/ha, nhờ thế, sản lượng lương thực toàn xã vẫn đạt trên 300 tấn, trừ phần làm nghĩa vụ và thuế nông nghiệp, xã vẫn duy trì được mức phân phối bình quân 17 kg/người/tháng. Hoạt động chăn nuôi tập thể bắt đầu được triển khai mạnh cùng chăn nuôi hộ gia đình. Tính đến năm 1968, toàn xã duy trì được 900 con trâu, hơn 200 con lợn và hàng ngàn gia cầm.

---

1. Tuy nhiên Chi ủy mắc khuyết điểm sử dụng 4,2 tấn thóc thuế phân phối cho đồng bào khai hoang không báo cáo Huyện ủy. Huyện ủy tiến hành kiểm điểm và khiển trách đồng chí Bí thư Chi bộ xã.